

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
VIỆN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ**



**ĐỒ ÁN MÔN HỌC
LẬP TRÌNH WEB**

**XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ SỔ LIÊN
LẠC TRƯỜNG TRUNG HỌC**

GVHD: Trần Văn Tài

SVTH: Nguyễn Kim Hoàng

MSSV: 2124802010093

SVTH: Nguyễn Đậu Toàn

MSSV: 2124802010830

LỚP: D21CNTT02

BÌNH DƯƠNG - 12/2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
VIỆN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ



ĐỒ ÁN MÔN HỌC
LẬP TRÌNH WEB

XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ SỔ LIÊN
LẠC TRƯỜNG TRUNG HỌC

GVHD: Trần Văn Tài
SVTH: Nguyễn Kim Hoàng
MSSV: 2124802010093
SVTH: Nguyễn Đậu Toàn
MSSV: 2124802010830
LỚP: D21CNTT02

BÌNH DƯƠNG - 12/2023

TRƯỜNG ĐH THỦ DẦU MỘT KHOA KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
--	---

PHIẾU ĐÁNH GIÁ PROJECT

(Đánh giá quá trình thực hiện, báo cáo văn bản và sản phẩm)

Học phần: LING109 - Lập trình Web (2+0)- KTCN.CQ.03

Họ và tên sinh viên (MSSV): NGUYỄN KIM HOÀNG (2124802010093), NGUYỄN

ĐẬU TOÀN (2124802010930)


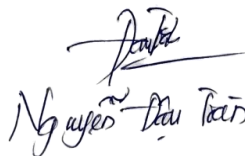

Tên đồ án : XÂY DỰNG WEBSITE SỞ LIÊN LẠC TRƯỜNG TRUNG HỌC

<i>Tiêu chí</i>		<i>Trọng số %</i>	<i>Tốt 100%</i>	<i>Khá 75%</i>	<i>Trung bình 50%</i>	<i>Kém 0%</i>
Thái độ tham gia tích cực	Nêu ý tưởng	05	Tích cực tìm kiếm và chủ động đưa ra ý tưởng mang tính mới	Tìm kiếm và đưa ra được ý tưởng khá tốt	Chọn ý tưởng trong số được đề nghị	Không quan tâm lựa chọn ý tưởng
	Lập kế hoạch thực hiện	05	Hoàn toàn hợp lý, không cần điều chỉnh	Khá hợp lý, điều chỉnh chút ít theo góp ý	Chưa hợp lý, có điều chỉnh theo góp ý	Không hợp lý và không điều chỉnh theo góp ý

Quá trình thực hiện project nghiêm túc	Giai đoạn chuẩn bị	10	Chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho việc thực hiện project, có thể khởi động ngay	Chuẩn bị được đa số điều kiện cho việc thực hiện, có thể khởi động và bổ sung sau	Chuẩn bị được một số điều kiện cho việc thực hiện nhưng cần bổ sung thêm mới có thể khởi động	Không chuẩn bị được điều kiện nào
	Giai đoạn thực hiện	10	Thực hiện hoàn toàn đúng phương pháp	Thực hiện khá đúng phương pháp, sai sót nhỏ và có sửa chữa	Thực hiện tương đối đúng phương pháp, sai sót quan trọng và có sửa chữa	Thực hiện không đúng phương pháp, sai sót không sửa chữa
		10	Triển khai đúng kế hoạch	Triển khai khá đúng kế hoạch, có chậm trễ nhưng	Triển khai tương đối đúng kế hoạch, có chậm trễ gây ảnh	Triển khai chậm trễ, gây ảnh hưởng không khắc phục được

				không gây ảnh hưởng	hưởng nhưng khắc phục được	
	Mức độ đạt được mục tiêu thành phần	20	Ghi rõ từng mục tiêu thành phần (ở mỗi giai đoạn của project) và thang điểm cụ thể			
Báo cáo kết quả bằng văn bản rõ ràng	Nội dung báo cáo	10	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tiến trình thực hiện - Thuyết minh sản phẩm - Bài học rút ra 			
	Trình bày báo cáo	10	<ul style="list-style-type: none"> - Format nhất quán - Văn phong phù hợp 			
Chất lượng sản phẩm đáp ứng các tiêu chí đề ra		20	<i>(Ghi rõ các tiêu chí chấm điểm sản phẩm và thang điểm chi tiết cho từng tiêu chí)</i>			

ĐIỂM PROJEC T NHÓM	ĐIỂM CỦA NHÓM: GÓP Ý LĨNH VỰC CẦN CẢI TIẾN: - Về phương pháp học tập, suy nghĩ, xử lý vấn đề: - Về kiến thức, kỹ năng, thái độ: - Khác: - Phương pháp cải tiến: - Nơi có thể cung cấp sự hỗ trợ: TÊN HỌ VÀ CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA GV:
Phần 2: Đánh giá cá nhân làm việc nhóm	
Làm việc nhóm <i>Hướng dẫn: Nhóm họp thảo luận đánh giá lẫn nhau. Kết quả này sẽ được sử dụng để qui đổi từ điểm của nhóm thành điểm của mỗi cá nhân, tùy theo % mỗi cá nhân đạt được</i> 1) Thành viên có tham gia họp đầy đủ: 40% Đầy đủ: 40% Vắng họp dưới 2 lần: 20% Vắng họp hơn 2 lần: 0% 2) Thành viên nộp sản phẩm được giao đúng hạn: 40% Đúng hạn: 40% Trễ dưới 2 ngày: 20% Trễ trên 2 ngày: 0% 3) Thành viên có tham gia giải quyết vấn đề, đóng góp ý kiến cải tiến: 20% Đóng góp đạt hiệu quả: 20% Có quan tâm đóng góp: 10% Không quan tâm: 0%	

<p>ĐIỂM THÀNH VIÊN NHÓM (do nhóm ghi)</p>	<p>Danh sách thành viên của Nhóm:</p> <p>1. (Tên họ): NGUYỄN KIM HOÀNG (2124802010093) Điểm làm việc nhóm (%): 100%</p> <p>2. (Tên họ): NGUYỄN ĐẠU TOÀN (2124802010830) Điểm làm việc nhóm (%): 100%</p> <p>TÊN HỌ VÀ CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA CÁC THÀNH VIÊN TRONG NHÓM:</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;">   </div>
<p>ĐIỂM CỦA CÁ NHÂN (do GV ghi)</p>	<p>Danh sách thành viên của Nhóm:</p> <p>1. (Tên họ): NGUYỄN KIM HOÀNG (2124802010093) Điểm cá nhân: 9.5</p> <p>2. (Tên họ): NGUYỄN ĐẠU TOÀN (2124802010830) Điểm cá nhân: 9.5</p> <p>TÊN HỌ VÀ CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA GV:</p> <div style="text-align: center;">  Trần Văn Tài </div>

<p>Ghi nhận của GV <i>(phần này do GV ghi và lưu riêng để theo dõi, tư vấn cho cá nhân SV, không phổ biến cho lớp, nhóm)</i></p>	<p>GÓP Ý CẢI TIẾN CHO CÁ NHÂN: 1) Tên SV: NGUYỄN KIM HOÀNG (2124802010093) GÓP Ý LĨNH VỰC CẦN CẢI TIẾN: - Về phương pháp học tập, suy nghĩ, xử lý vấn đề: - Về kiến thức, kỹ năng, thái độ: - Khác: - Phương pháp cải tiến: - Nơi có thể cung cấp sự hỗ trợ:</p> <p>2) Tên SV: NGUYỄN ĐẬU TOÀN (2124802010830) GÓP Ý LĨNH VỰC CẦN CẢI TIẾN: - Về phương pháp học tập, suy nghĩ, xử lý vấn đề: - Về kiến thức, kỹ năng, thái độ: - Khác: - Phương pháp cải tiến: - Nơi có thể cung cấp sự hỗ trợ:</p>
--	--

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CÁC HÌNH	11
DANH MỤC CÁC BẢNG	13
DANH SÁCH CÁC KÝ TỰ, CHỮ VIẾT TẮT	14
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN.....	2
1.1. MÔ TẢ BÀI TOÁN.....	2
1.2. CHỨC NĂNG HỆ THỐNG	2
CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH HỆ THỐNG	5
2.1. SƠ ĐỒ USE CASE	5
2.1.1. Sơ đồ use case administrator.....	5
2.1.2. Sơ đồ use case giáo viên	6
2.1.3. Sơ đồ use case quản lý giáo viên.....	7
2.1.4. Sơ đồ use case quản lý người dùng	8
2.1.5. Sơ đồ use case quản lý học sinh.....	10
2.1.6. Sơ đồ use case quản lý học kỳ.....	12
2.1.7. Sơ đồ use case quản lý lớp.....	14
2.1.8. Sơ đồ use case quản lý lớp chủ nhiệm	15
2.2. SƠ ĐỒ TRÌNH TỰ	17
2.2.1. Sơ đồ trình tự giáo viên đăng muốn coi điểm của 1 lớp và sửa đổi điểm số	
17	
2.2.2. Sơ đồ trình tự đăng nhập	18

2.3. SƠ ĐỒ HOẠT ĐỘNG.....	19
2.3.1. Sơ đồ hoạt động đăng nhập.....	19
2.3.2. Sơ đồ hoạt động quản lý giáo viên.....	20
2.3.3. Sơ đồ hoạt động quản lý học sinh	20
2.3.4. Sơ đồ hoạt động chuyển lớp cho học sinh	21
2.3.5. Sơ đồ hoạt động quản lý người dùng	21
2.3.6. Sơ đồ hoạt động phân quyền người dùng.....	22
2.4. SƠ ĐỒ LỚP	23
CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU.....	24
3.1. SƠ ĐỒ QUAN HỆ TRONG CSDL	24
3.2. MÔ TẢ BẢNG DỮ LIỆU.....	25
3.2.1. Bảng bảng điểm cả năm.....	25
3.2.3. Bảng học sinh.....	26
3.2.4. Bảng giáo viên	26
3.2.5. Bảng điểm danh	27
3.2.6. Bảng học kỳ	27
3.2.7. Bảng điểm.....	27
3.2.8. Bảng lớp chủ nhiệm.....	28
3.2.9. Bảng môn học	29
3.2.10. Bảng user	29
3.2.11. Bảng lớp.....	29
3.2.12. Bảng phân công	30
3.2.13. Bảng dân tộc	30
3.2.14. Bảng năm học	30

3.2.15. Bảng kết quả học kỳ	31
3.2.16. Bảng kết quả cả năm.....	31
3.2.17. Bảng titleuser	32
CHƯƠNG 4. GIAO DIỆN VÀ CÀI ĐẶT CHƯƠNG TRÌNH.....	33
1. GIAO DIỆN TRANG CHỦ.....	33
2. GIAO DIỆN TRANG ĐĂNG NHẬP TRỰC TUYẾN.....	33
3. GIAO DIỆN TRA CỨU KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH.....	34
4. GIAO DIỆN TRANG ĐĂNG NHẬP GIÁO VIÊN.....	35
5. GIAO DIỆN TRANG ĐĂNG NHẬP ADMIN	36
6. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ GIÁO VIÊN	36
7. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ HỌC SINH.....	38
8. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ MÔN HỌC.....	38
9. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ LỚP.....	39
10. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ CHỦ NHIỆM LỚP	39
11. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ PHÂN CÔNG.....	40
12. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ HỌC KỲ	40
13. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ USER	41
14. GIAO DIỆN TRANG GIÁO VIÊN QUẢN LÝ LỚP CHỦ NHIỆM.....	41
15. GIAO DIỆN TRANG GIÁO VIÊN QUẢN LÝ LỚP PHỤ TRÁCH DẠY	42
16. GIAO DIỆN TRANG GIÁO VIÊN NHẬP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ	43
17. GIAO DIỆN GỬI SMS ĐIỂM DANH	43
18. GIAO DIỆN BẢNG ĐIỂM.....	44
KẾT LUẬN.....	45

1. Kết quả đạt được	45
2. Đánh giá kết quả.....	45
3. Hướng phát triển	45
TÀI LIỆU THAM KHẢO	47

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1: Sơ đồ use case administrator.....	5
Hình 2 : Sơ đồ use case giáo viên	6
Hình 3: Sơ đồ use case quản lý giáo viên	7
Hình 4: Sơ đồ use case quản lý người dùng.....	8
Hình 5 : Sơ đồ use case quản lý học sinh.....	10
Hình 6 : Sơ đồ use case quản lý học kỳ	12
Hình 7 : Sơ đồ use case quản lý lớp.....	14
Hình 8 : Sơ đồ use case quản lý lớp chủ nhiệm.....	15
Hình 9 : Sơ đồ trình tự giáo viên đăng muốn coi điểm của 1 lớp và sửa đổi điểm số.....	17
Hình 10 : Sơ đồ trình tự đăng nhập.....	18
Hình 11 : Sơ đồ hoạt động đăng nhập.....	19
Hình 12 : Sơ đồ hoạt động quản lý giáo viên	20
Hình 13 : Sơ đồ hoạt động quản lý học sinh.....	20
Hình 14 : Sơ đồ hoạt động chuyển lớp cho học sinh	21
Hình 15 : Sơ đồ hoạt động quản lý người dùng.....	21
Hình 16 : Sơ đồ hoạt động phân quyền người dùng	22
Hình 17 : Class Diagram.....	23
Hình 18 : Sơ đồ CSDL	24
Hình 19 : GIAO DIỆN TRANG CHỦ.....	33
Hình 20 : GIAO DIỆN TRANG ĐĂNG NHẬP TRỰC TUYẾN	33
Hình 21 : GIAO DIỆN TRA CỨU KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH	34
Hình 22 : GIAO DIỆN TRANG ĐĂNG NHẬP GIÁO VIÊN	35
Hình 23 : GIAO DIỆN TRANG ĐĂNG NHẬP ADMIN	36
Hình 24 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ GIÁO VIÊN	36
Hình 25 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ HỌC SINH	38
Hình 26 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ MÔN HỌC	38
Hình 27 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ LỚP.....	39
Hình 28 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ CHỦ NHIỆM LỚP	39

Hình 29 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ PHÂN CÔNG	40
Hình 30 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ HỌC KỲ	40
Hình 31 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ USER	41
Hình 32 : GIAO DIỆN TRANG GIÁO VIÊN QUẢN LÝ LỚP CHỦ NHIỆM	42
Hình 33 : GIAO DIỆN TRANG GIÁO VIÊN QUẢN LÝ LỚP PHỤ TRÁCH DẠY	42
Hình 34 : GIAO DIỆN TRANG GIÁO VIÊN NHẬP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ.....	43
Hình 35 : GIAO DIỆN GỬI SMS ĐIỂM DANH.....	43
Hình 36 : GIAO DIỆN BẢNG ĐIỂM	44

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1 : CHỨC NĂNG HỆ THỐNG.....	3
Bảng 2: Mô tả use case QUANLYGIAOVIEN	8
Bảng 3: Mô tả use case QUANLYNGUOIDUNG	9
Bảng 4 : Mô tả use case QUANLYHOCSINH.....	11
Bảng 5 : Mô tả use case QUANLYHOCKY	13
Bảng 6 : Mô tả use case QUANLYLOP	15
Bảng 7 : Mô tả use case QUANLYLOPCHUNHIEM	16
Bảng 8 : Bảng bảng điểm cả năm	25
Bảng 9 : Bảng học sinh	26
Bảng 10 : Bảng giáo viên.....	26
Bảng 11 : Bảng điểm danh.....	27
Bảng 12 : Bảng học kỳ.....	27
Bảng 13 : Bảng điểm.....	28
Bảng 14 : Bảng lớp chủ nhiệm.....	28
Bảng 15 : Bảng môn học.....	29
Bảng 16 : Bảng user	29
Bảng 17 : Bảng lớp	29
Bảng 18 : Bảng phân công	30
Bảng 19 : Bảng dân tộc	30
Bảng 20 : Bảng năm học	30
Bảng 21 : Bảng kết quả học kỳ	31
Bảng 22 : Bảng kết quả cả năm.....	31
Bảng 23 : Bảng TITLEUSER	32

DANH SÁCH CÁC KÝ TỰ, CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải thích
Tiếng Việt	
CSDL	Cơ sở dữ liệu
ĐVT	Đơn vị tính
DH	Đơn hàng
SP	Sản phẩm
Tiếng Anh	
UC	Use Case

MỞ ĐẦU

Thực trạng cho thấy việc quản lý đào tạo tại Trung tâm Công nghệ thông tin, chia thành nhiều khâu như: quản lý danh sách học viên, quản lý danh sách giáo viên, quản lý phân công giảng dạy, quản lý việc đăng ký học của học viên, quản lý xếp lịch thi, quản lý sinh viên đăng kí thi, quản lý kết quả thi,... Tất cả các công việc này được thực hiện một cách thủ công như sử dụng công cụ văn phòng Microsoft Office, vì thế đòi hỏi nhiều thời gian và công sức, mà sự chính xác và hiệu quả không cao, đa số đều làm thủ công rất ít tự động. Một số nghiệp vụ như tra cứu, thống kê, và hiệu chỉnh thông tin khá vất vả. Ngoài ra, còn có một số khó khăn về vấn đề lưu trữ dữ liệu, dễ bị thất lạc, tổn kém, ... Trong khi đó, các nghiệp vụ này hoàn toàn có thể tin học hóa một cách dễ dàng. Với sự giúp đỡ của tin học, việc quản lý học vụ sẽ trở nên đơn giản, thuận tiện, nhanh chóng và hiệu quả hơn rất nhiều. Ngoài ra, hệ thống website của trung tâm hiện tại chỉ mới quản lý tin tức, còn nhiều vấn đề quản lý khác quan trọng mà hệ thống website của trung tâm hiện tại chưa đáp ứng được.

Vì thế, em quyết định chọn đề tài “*Xây dựng website quản lý đào tạo Trung tâm Công nghệ Thông tin*” nhằm thực hiện được một số chức năng còn thiếu của hệ thống hiện tại.

Cấu trúc của đề án:

- Phần mở đầu
- Chương 1: Tổng quan
- Chương 2: Phân tích hệ thống
- Chương 3: Thiết kế cơ sở dữ liệu
- Chương 4: Giao diện và cài đặt chương trình
- Kết luận và hướng phát triển

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN

1.1. MÔ TẢ BÀI TOÁN

Hệ thống cung cấp chức năng cho phép học sinh tra cứu điểm bằng số điện thoại bằng hình thức nhập số điện thoại đã đăng ký vnEdu tại trường để xem kết quả học tập từ đầu năm tới hiện tại. Đối với người ngoài cần liên hệ trực tiếp đến Trung tâm để nhân viên tư vấn và hỗ trợ việc đăng ký học và dự thi.

Sau khi học viên đăng ký, nhân viên của Trung tâm sẽ dựa vào nhu cầu đăng ký lớp học và ca học để xếp lớp và thông báo thời gian khai giảng cho học viên. Hệ thống sẽ quản lý việc tạo lớp, thời khóa biểu lớp và các vấn đề liên quan tới thi và kết quả của học viên.

1.2. CHỨC NĂNG HỆ THỐNG

STT	CHỨC NĂNG	MÔ TẢ
1	Quản lý Học sinh	Học sinh được quản lý với những thông tin: thêm học sinh tự do, hoặc thêm học viên từ danh sách trường. Khi có mã học viên có thể tra cứu theo mã học sinh hoặc nhập mã học sinh để tra cứu thông tin của học sinh đó.
2	Quản lý Lớp	Trung tâm có nhiều lớp. Các lớp sẽ được hiện ra theo loại chứng chỉ, admin ...
3	Quản lý môn học	Khi chọn vào quản lý môn học có thể thêm, xem danh sách, cập nhật, xóa môn học...
4	Quản lý chủ nhiệm lớp	Admin có thể thêm, xóa, sửa, xem thông tin chủ nhiệm lớp có trong danh sách.
5	Quản lý giáo viên	Admin có thể cập nhật, xem chi tiết thông tin giáo viên, hoặc xóa nếu giáo viên đó không còn tham gia giảng dạy tại trung tâm nữa.
6	Quản lý phân công	Admin có thể phân công giáo viên mới, sửa, xóa, xem thông tin đã phân công dạy môn nào.
7	Quản lý học kỳ	Admin có thể thêm, xóa, sửa, xem thông tin học kỳ

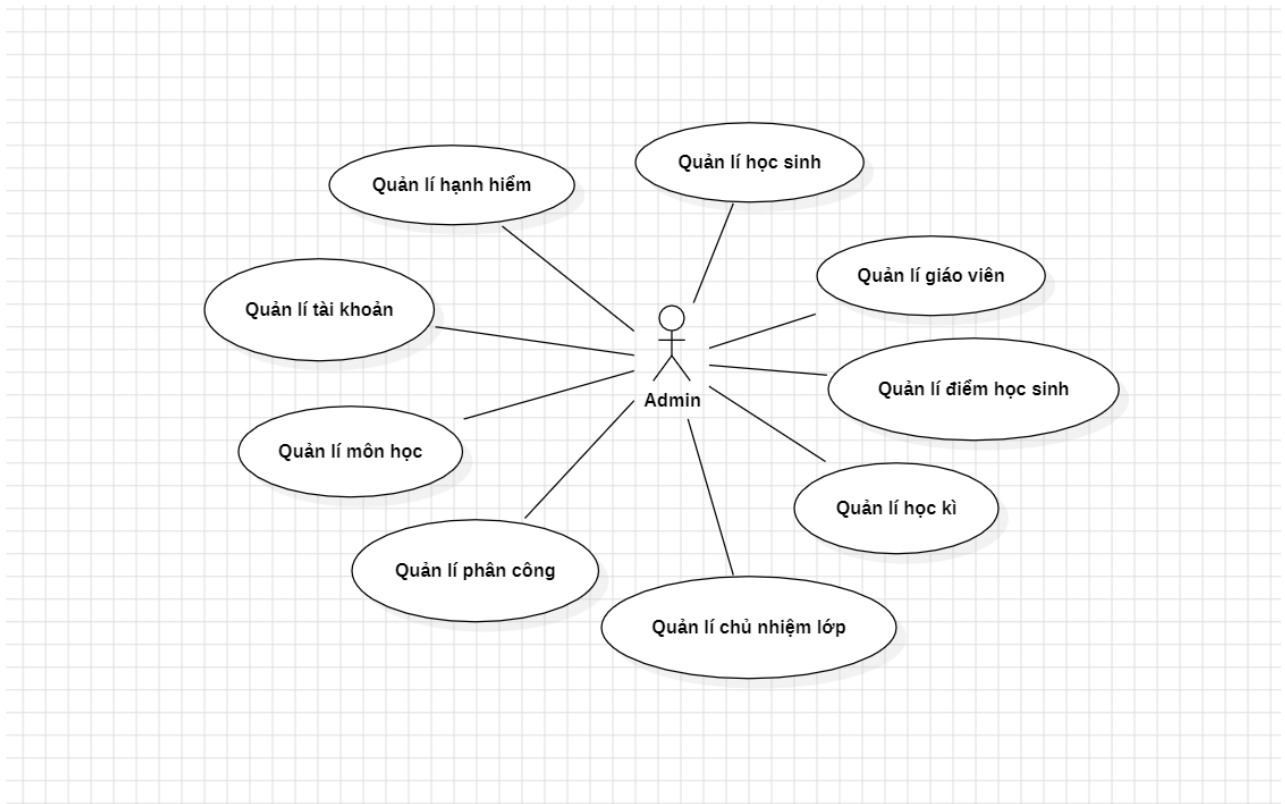
8	Quản lý người dùng	Admin có thể thêm, xóa, sửa, xem thông tin người dùng. Admin còn có thể phân quyền người dùng bằng cách thêm chức danh người dùng, sửa, xóa, xem thông tin người dùng đã phân quyền
9	Quản lý loại lớp	Nhân viên có thể cập nhật, xóa lớp học
10	Quản lý lệ phí	Nhân viên có thể cập nhật, xóa lệ phí
11	Quản lý người dùng	Nhân viên có thể reset mật khẩu, cập nhật, xóa người dùng

Bảng 1 : CHỨC NĂNG HỆ THỐNG

CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH HỆ THỐNG

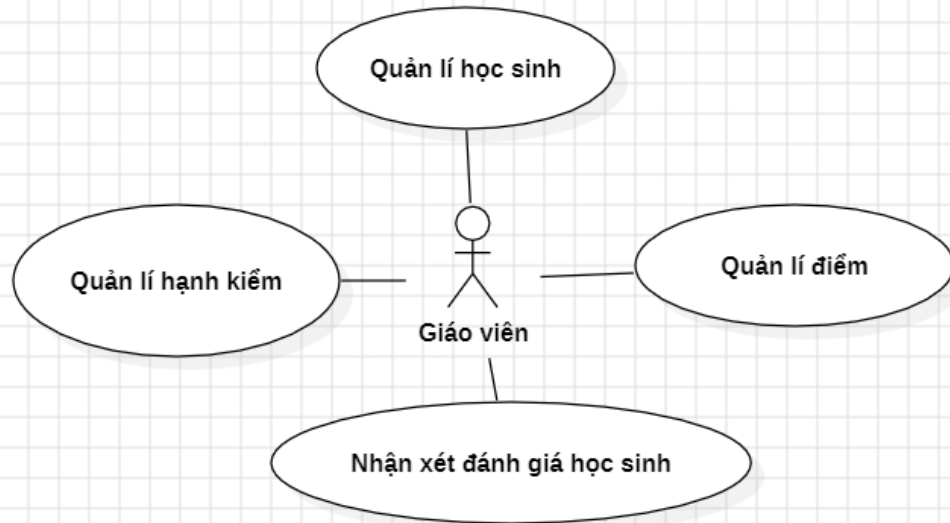
2.1. SƠ ĐỒ USE CASE

2.1.1. Sơ đồ use case administrator



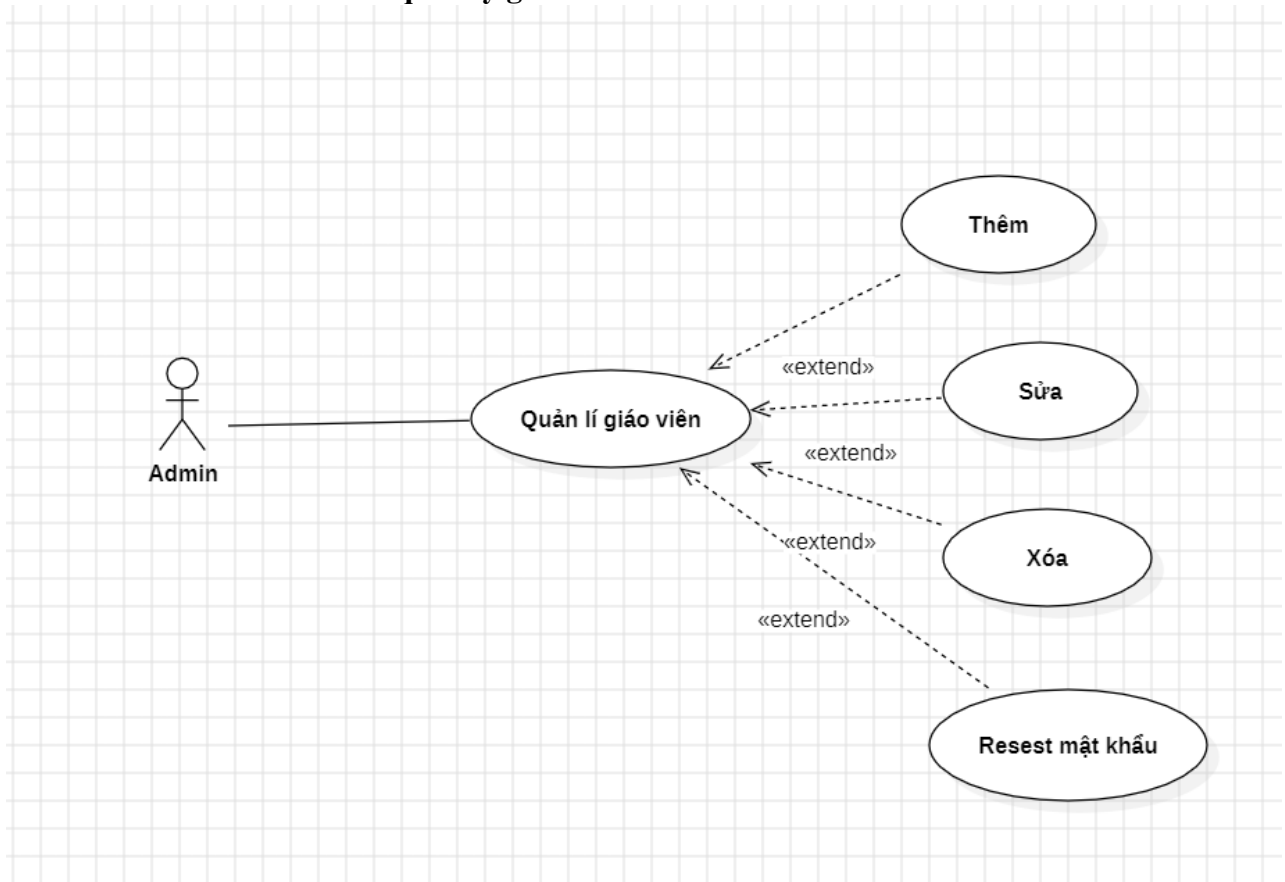
Hình 1: Sơ đồ use case administrator

2.1.2. Sơ đồ use case giáo viên



Hình 2 : Sơ đồ use case giáo viên

2.1.3. Sơ đồ use case quản lý giáo viên



Hình 3: Sơ đồ use case quản lý giáo viên

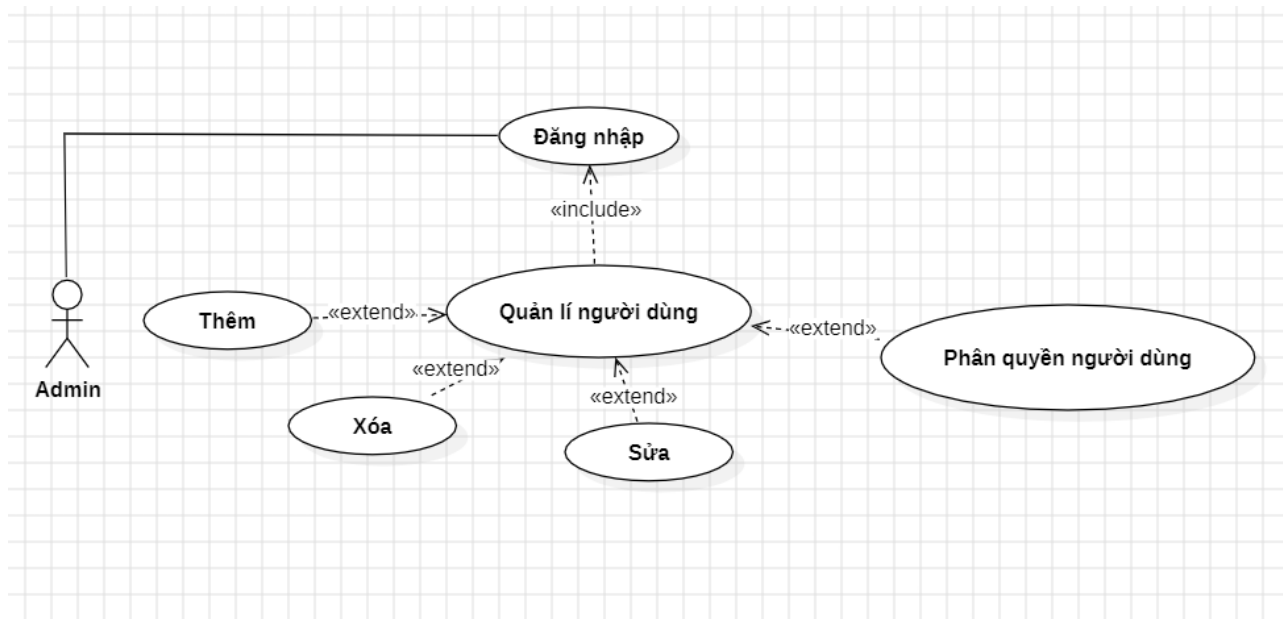
Mô tả use case *QUANLYGIAOVIEN*

Use case: 003_QUANLYGIAOVIEN	
Mục đích	Quản lý giáo viên
Mô tả	Giúp quản lý giáo viên dễ dàng
Tác nhân	Administrator
Điều kiện trước	Phải có giáo viên trong hệ thống

Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Administrator chọn “Thêm mới”. 2. Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới giáo viên. 3. Hệ thống yêu cầu điền thông tin giáo viên mới. 4. Hệ thống kiểm tra thông tin. Hệ thống báo thêm thành công. 5. Administrator chọn cập nhật. 6. Hệ thống hiển thị màn hình cập nhật thông tin giáo viên
Luồng sự kiện phụ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kiểm tra tên đăng nhập và mật khẩu của giáo viên nhập vào có đúng không. 2. Khi đăng nhập không thành công hệ thống sẽ thông báo lỗi “Tên đăng nhập hoặc mật khẩu của bạn không đúng”, và cho phép người dùng đăng nhập lại hoặc kết thúc.
Điều kiện sau	Thêm mới, cập nhật thành công giáo viên mới vào hệ thống.

Bảng 2: Mô tả use case QUANLYGIAOVIEN

2.1.4. Sơ đồ use case quản lý người dùng



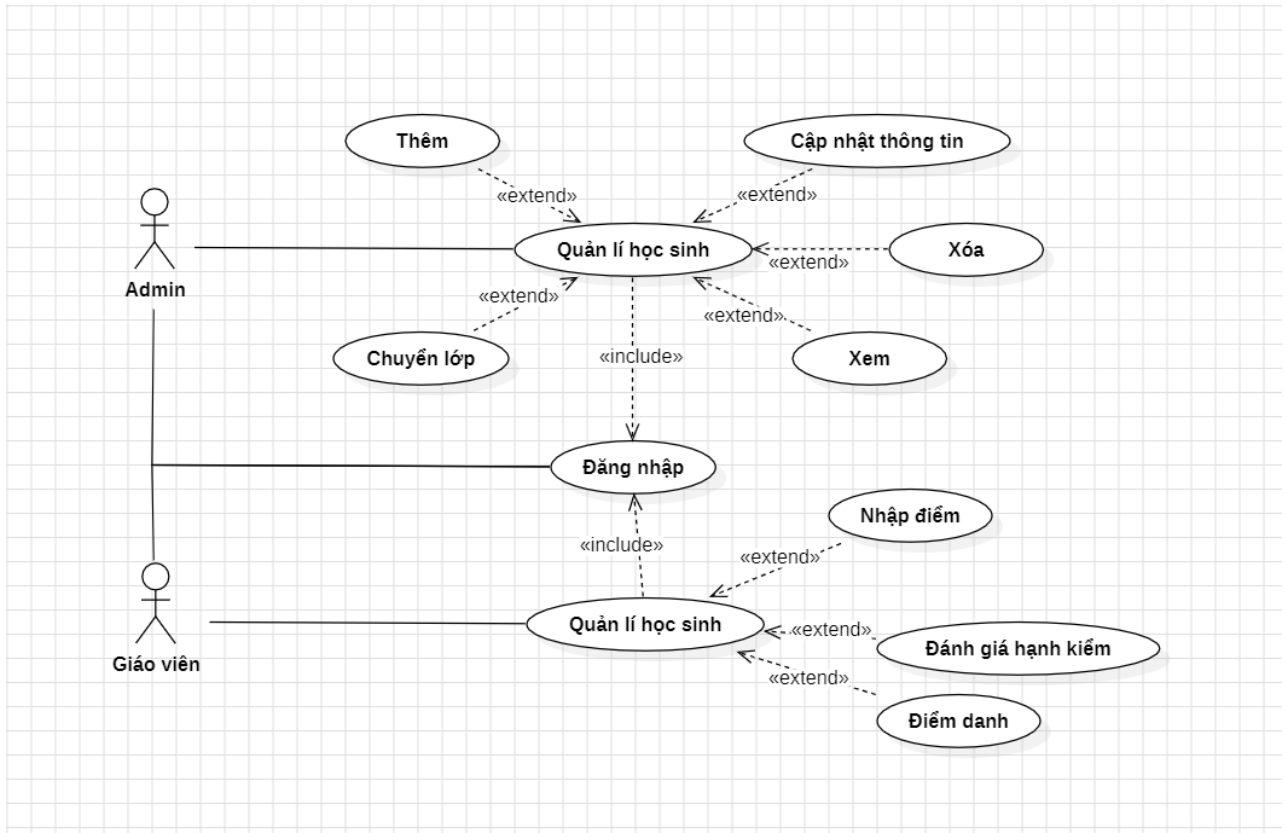
Hình 4: Sơ đồ use case quản lý người dùng

Mô tả use case QUANLYNGUOIDUNG

Use case: 004_QUANLYNGUOIDUNG	
Mục đích	Quản lý người dùng
Mô tả	Giúp quản lý người dùng dễ dàng
Tác nhân	Administrator
Điều kiện trước	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Administrator muốn thêm mới người dùng 2. Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới người dùng. 3. Hệ thống yêu cầu điền thông tin người dùng mới. 4. Hệ thống kiểm tra thông tin. Hệ thống báo thêm thành công. 5. Người dùng muốn cập nhật thông tin người dùng. 6. Hệ thống hiển thị màn hình cập nhật thông tin người dùng 7. Người dùng muốn xem chi tiết thông tin của người dùng 8. Hệ thống hiển thị màn hình thông tin chi tiết người dùng. 9. Admin có thể phân quyền người dùng với vai trò admin hoặc giáo viên.
Luồng sự kiện phụ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nếu xảy ra lỗi trong lúc thao tác thì hệ thống sẽ thông báo “thất bại” 2. Nếu thành công thì thông tin sẽ hiện kết quả lên màn hình..
Điều kiện sau	Thêm mới, cập nhật thành công người dùng mới vào hệ thống.

Bảng 3: Mô tả use case QUANLYNGUOIDUNG

2.1.5. Sơ đồ use case quản lý học sinh



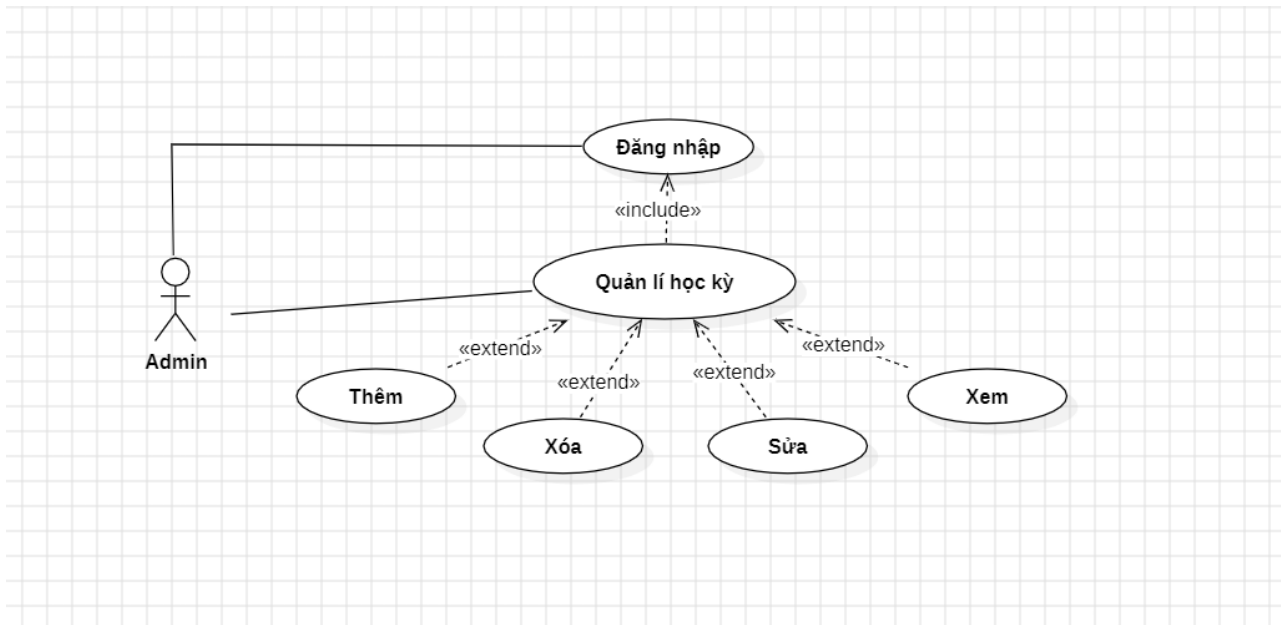
Hình 5 : Sơ đồ use case quản lý học sinh

Mô tả use case QUANLYHOCSINH

Use case: 005_QUANLYHOCSINH	
Mục đích	Quản lý học sinh
Mô tả	Giúp quản lý học sinh viên dễ dàng
Tác nhân	Administrator, giáo viên
Điều kiện trước	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Luồng sự kiện chính	<p>9. Administrator muốn thêm mới học sinh</p> <p>10. Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới học sinh</p> <p>11. Hệ thống yêu cầu điền thông tin học sinh mới.</p> <p>12. Hệ thống kiểm tra thông tin.</p> <p>Hệ thống báo thêm thành công.</p> <p>13. Administrator muốn cập nhật thông tin học sinh.</p> <p>14. Hệ thống hiển thị màn hình cập nhật thông tin học sinh.</p> <p>15. Người dùng muốn xem chi tiết thông tin của học sinh</p> <p>16. Hệ thống hiển thị màn hình thông tin chi tiết học sinh.</p> <p>17. Giáo viên có thể nhập điểm, đánh giá hạnh kiểm, điểm danh học sinh</p>
Luồng sự kiện phụ	<p>3. Nếu xảy ra lỗi trong lúc thao tác thì hệ thống sẽ thông báo “thất bại”</p> <p>4. Nếu thành công thì thông tin sẽ hiện kết quả lên màn hình..</p>
Điều kiện sau	Thêm mới, cập nhật thành công học sinh mới vào hệ thống.

Bảng 4 : Mô tả use case QUANLYHOCSINH

2.1.6. Sơ đồ use case quản lý học kỳ



Hình 6 : Sơ đồ use case quản lý học kỳ

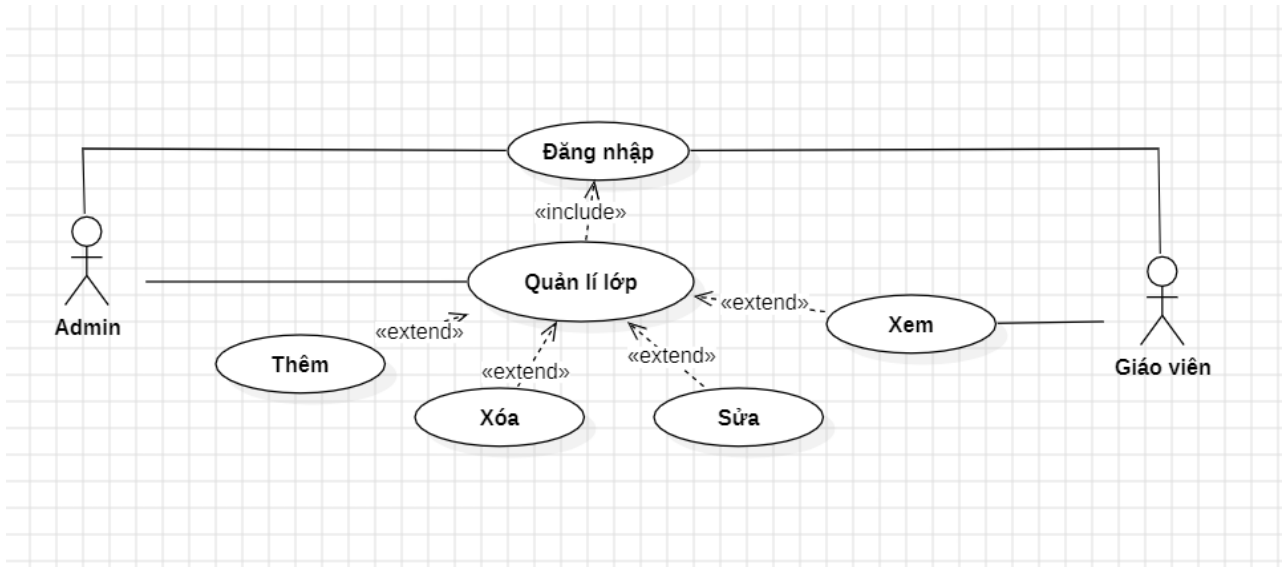
Mô tả use case QUANLYHOCKY

Use case: 006_QUANLYHOCKY	
Mục đích	Quản lý học kì
Mô tả	Giúp quản lý học kỳ
Tác nhân	Administrator
Điều kiện trước	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> Administrator muốn thêm mới ca thi Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới ca thi. Hệ thống yêu cầu điền thông tin ca thi mới. Hệ thống kiểm tra thông tin. Hệ thống báo thêm thành công. Administrator muốn cập nhật thông tin ca thi. Hệ thống hiển thị màn hình cập nhật thông tin ca thi. Administrator muốn tìm kiếm thông tin của ca thi Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm ca thi

Luồng sự kiện phụ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nếu xảy ra lỗi trong lúc thao tác thì hệ thống sẽ thông báo “thất bại” 2. Nếu thành công thì thông tin sẽ hiện kết quả lên màn hình..
Điều kiện sau	Thêm mới, cập nhật thành công ca thi mới vào hệ thống.

Bảng 5 : Mô tả use case QUANLYHOCKY

2.1.7. Sơ đồ use case quản lý lớp



Hình 7 : Sơ đồ use case quản lý lớp

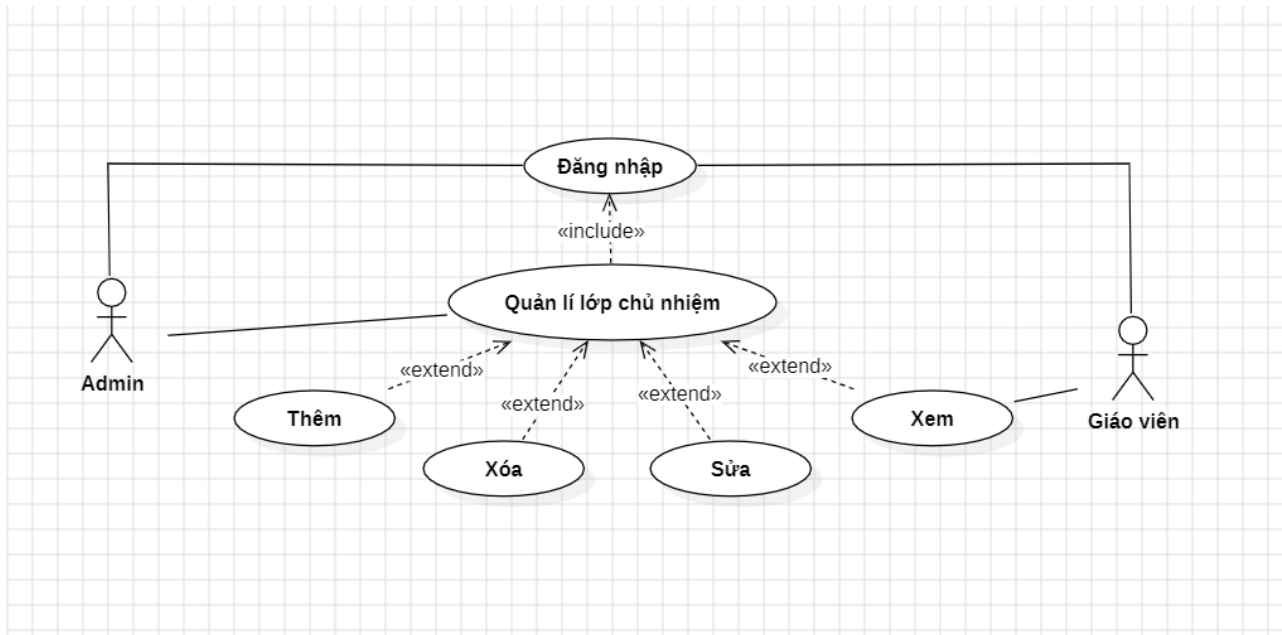
Mô tả use case QUANLYLOP

Use case: 009_ <i>QUANLYLOP</i>	
Mục đích	Quản lý lớp học
Mô tả	Giúp quản lý lớp học dễ dàng
Tác nhân	Administrator, giáo viên
Điều kiện trước	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng muốn thêm mới lớp học 2. Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới lớp 3. Hệ thống yêu cầu điền thông tin lớp mới 4. Hệ thống kiểm tra thông tin. Hệ thống báo thêm thành công. 5. Người dùng muốn xem thông tin lớp học 6. Hệ thống hiển thị kết quả ra màn hình 7. Người dùng muốn tìm kiếm thông tin lớp học. 8. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm. 9. Giáo viên có thể xem chi tiết lớp học.
Luồng sự kiện phụ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nếu xảy ra lỗi trong lúc thao tác thì hệ thống sẽ thông báo “thất bại”

	2. Nếu thành công thì thông tin sẽ hiện kết quả lên màn hình..
Điều kiện sau	Thêm mới, cập nhật,.. thành công lớp mới vào hệ thống.

Bảng 6 : Mô tả use case QUANLYLOP

2.1.8. Sơ đồ use case quản lý lớp chủ nhiệm



Hình 8 : Sơ đồ use case quản lý lớp chủ nhiệm

Mô tả use case QUANLYLOPCHUNHIEM

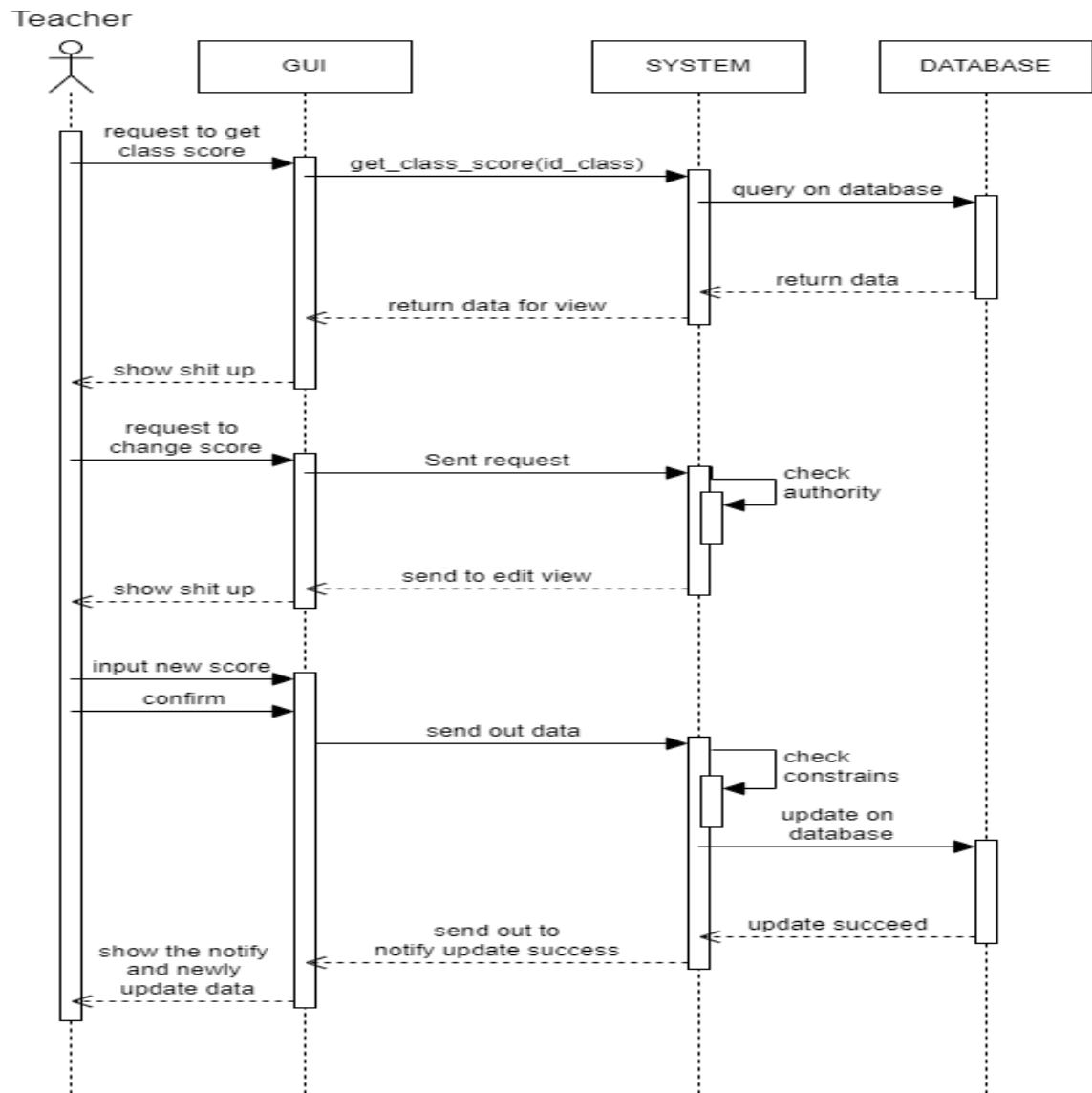
Use case: 010_ QUANLYLOPCHUNHIEM	
Mục đích	Quản lý lớp chủ nhiệm
Mô tả	Giúp quản lý các lớp chủ nhiệm dễ dàng
Tác nhân	Administrator, người dùng
Điều kiện trước	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng muốn thêm mới lớp chủ nhiệm 2. Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới lớp chủ nhiệm 3. Hệ thống yêu cầu điền thông tin lớp chủ nhiệm 4. Hệ thống kiểm tra thông tin Hệ thống báo thêm thành công 5. Người dùng muốn tìm kiếm thông tin lớp chủ nhiệm

	6. Hệ thống hiển thị kết quả ra màn hình 7. Người dùng muốn cập nhật thông tin lớp chủ nhiệm. 8. Hệ thống báo cập nhật thành công
Luồng sự kiện phụ	9. Nếu xảy ra lỗi trong lúc thao tác thì hệ thống sẽ thông báo “thất bại” 10. Nếu thành công thì thông tin sẽ hiện kết quả lên màn hình..
Điều kiện sau	Thêm mới, cập nhật,.. thành công lớp chủ nhiệm mới vào hệ thống.

Bảng 7 : Mô tả use case QUANLYLOPCHUNHIEM

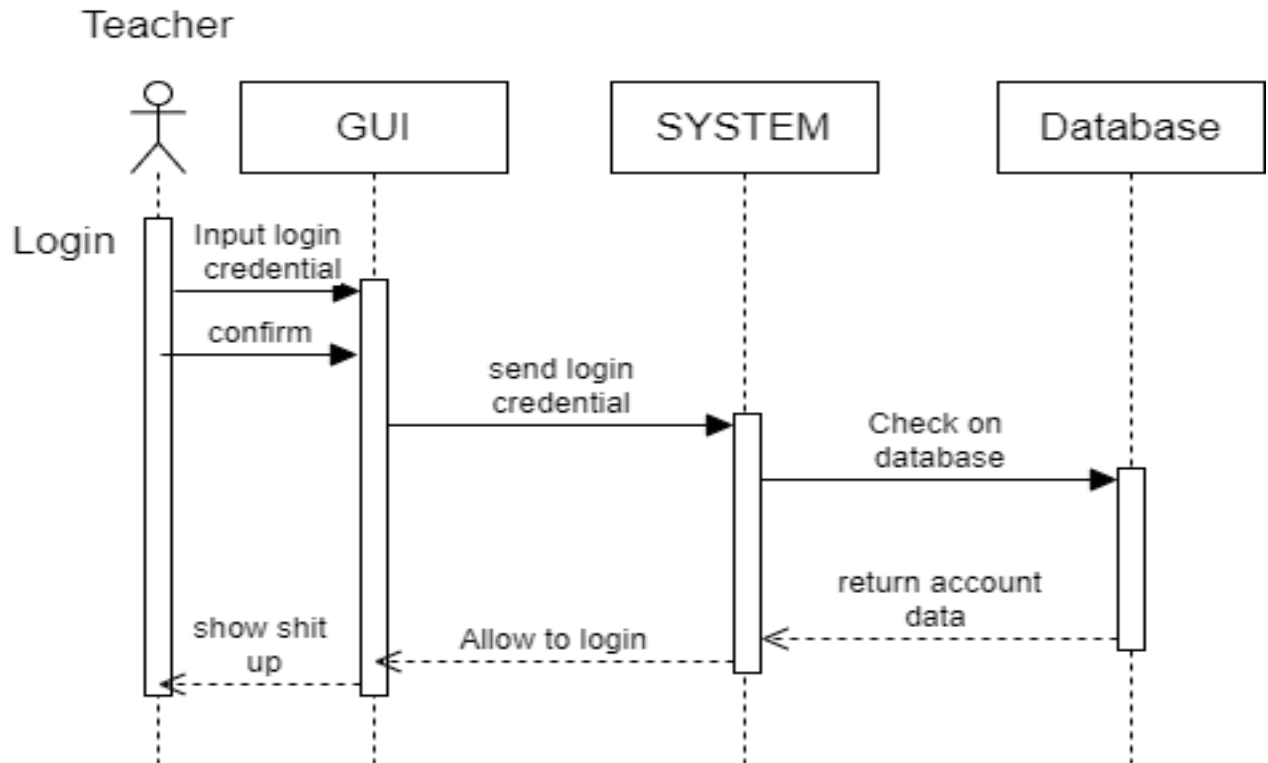
2.2. SƠ ĐỒ TRÌNH TỰ

2.2.1. Sơ đồ trình tự giáo viên đăng muốn coi điểm của 1 lớp và sửa đổi điểm số



Hình 9 : Sơ đồ trình tự giáo viên đăng muốn coi điểm của 1 lớp và sửa đổi điểm số

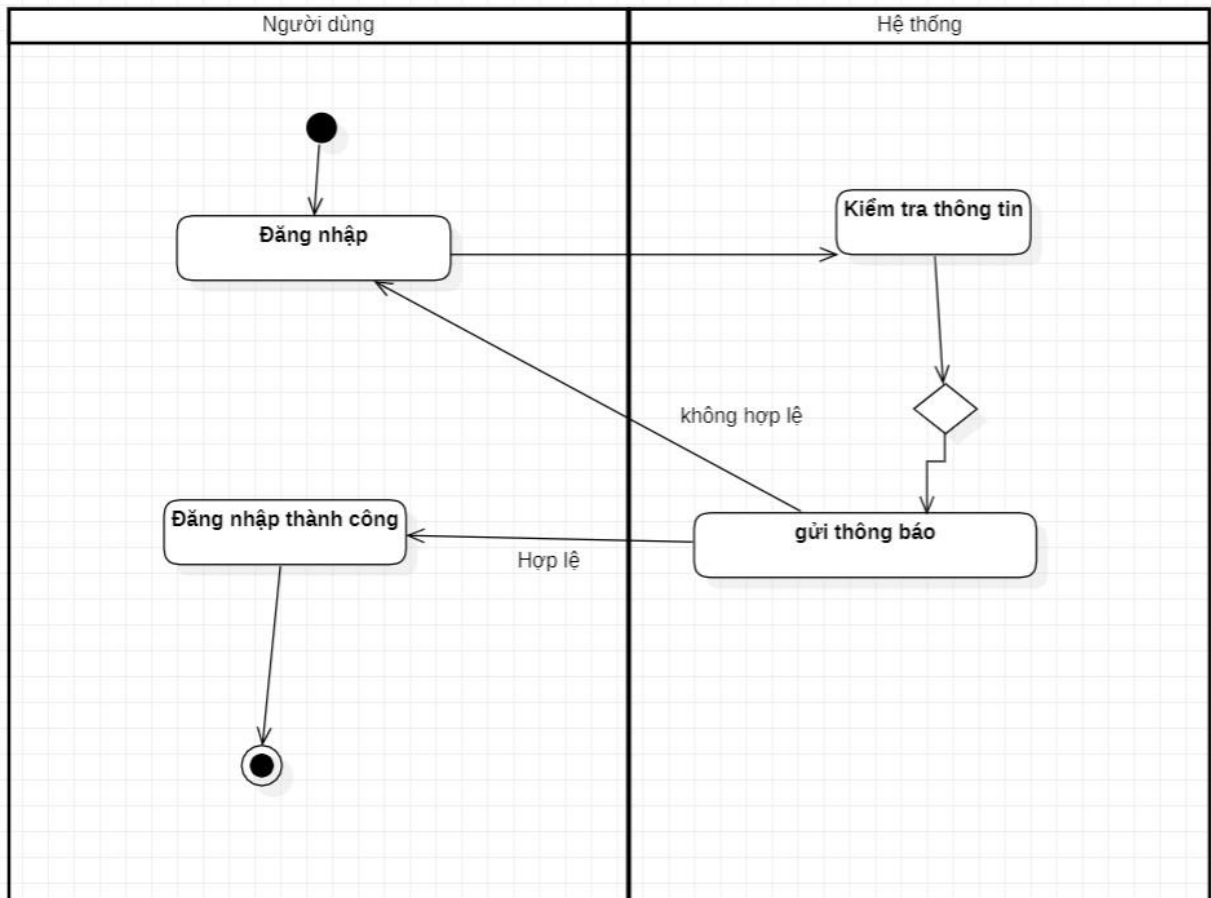
2.2.2. Sơ đồ trình tự đăng nhập



Hình 10 : Sơ đồ trình tự đăng nhập

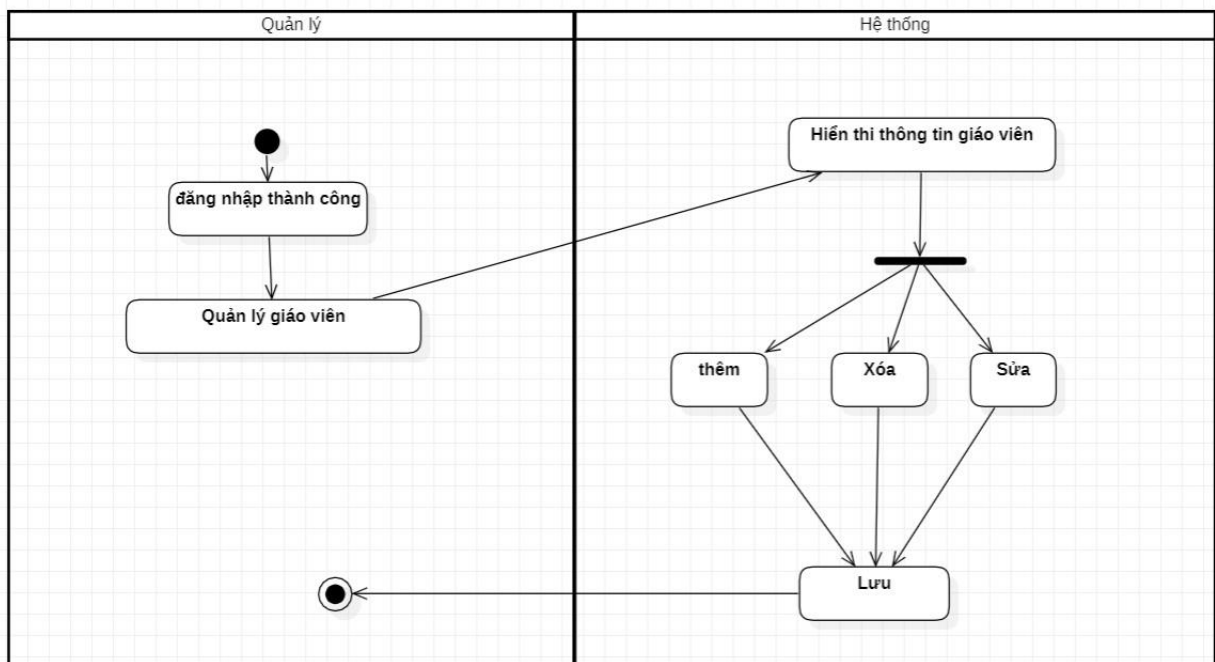
2.3. SƠ ĐỒ HOẠT ĐỘNG

2.3.1. Sơ đồ hoạt động đăng nhập



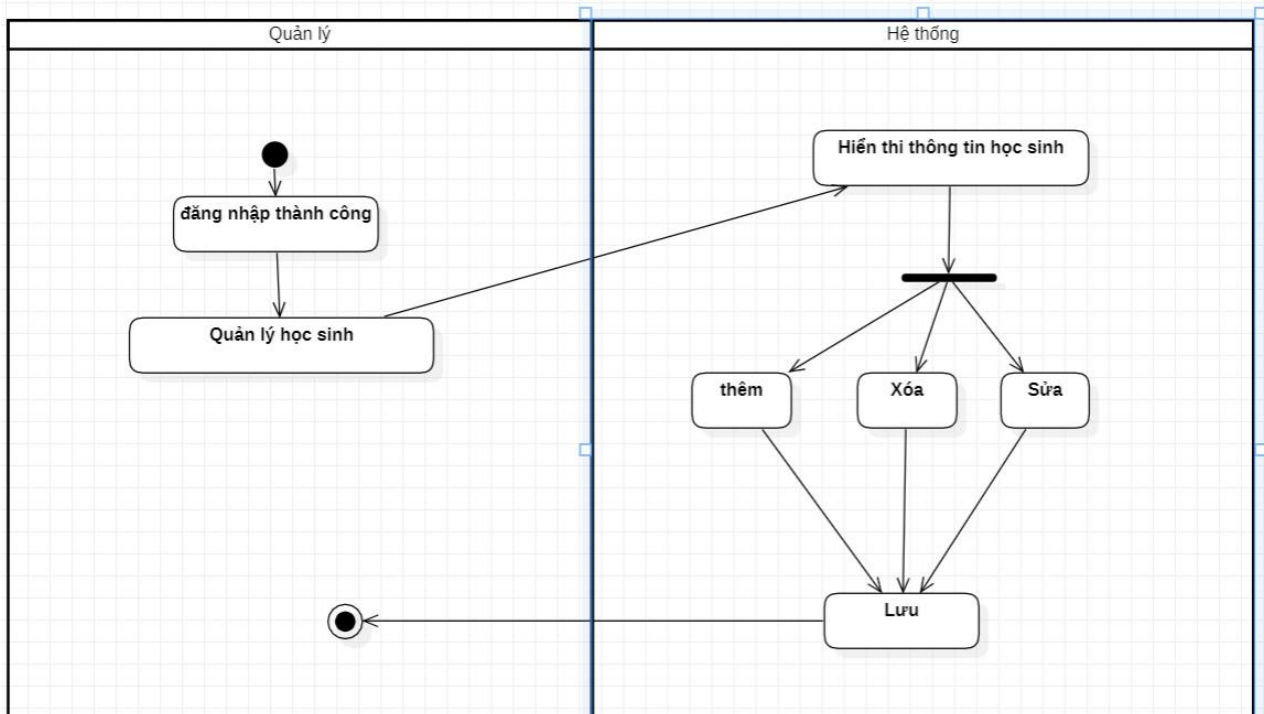
Hình 11 : Sơ đồ hoạt động đăng nhập

2.3.2. Sơ đồ hoạt động quản lý giáo viên



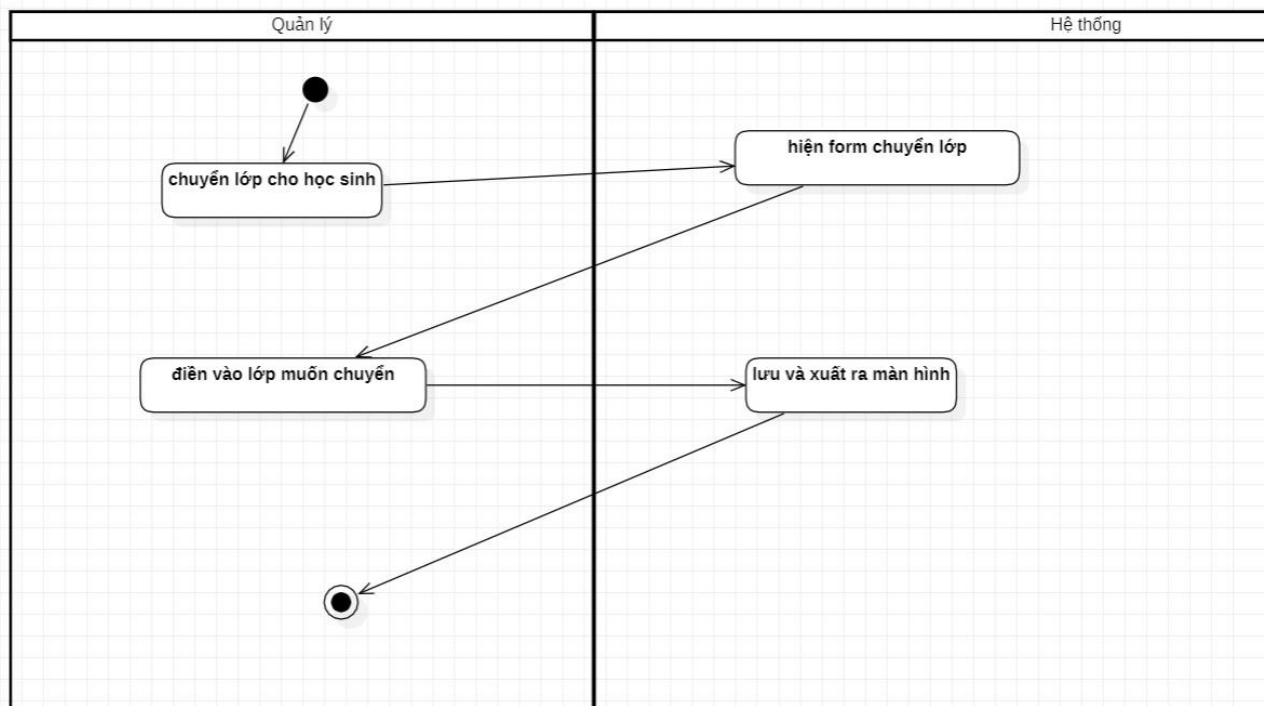
Hình 12 : Sơ đồ hoạt động quản lý giáo viên

2.3.3. Sơ đồ hoạt động quản lý học sinh



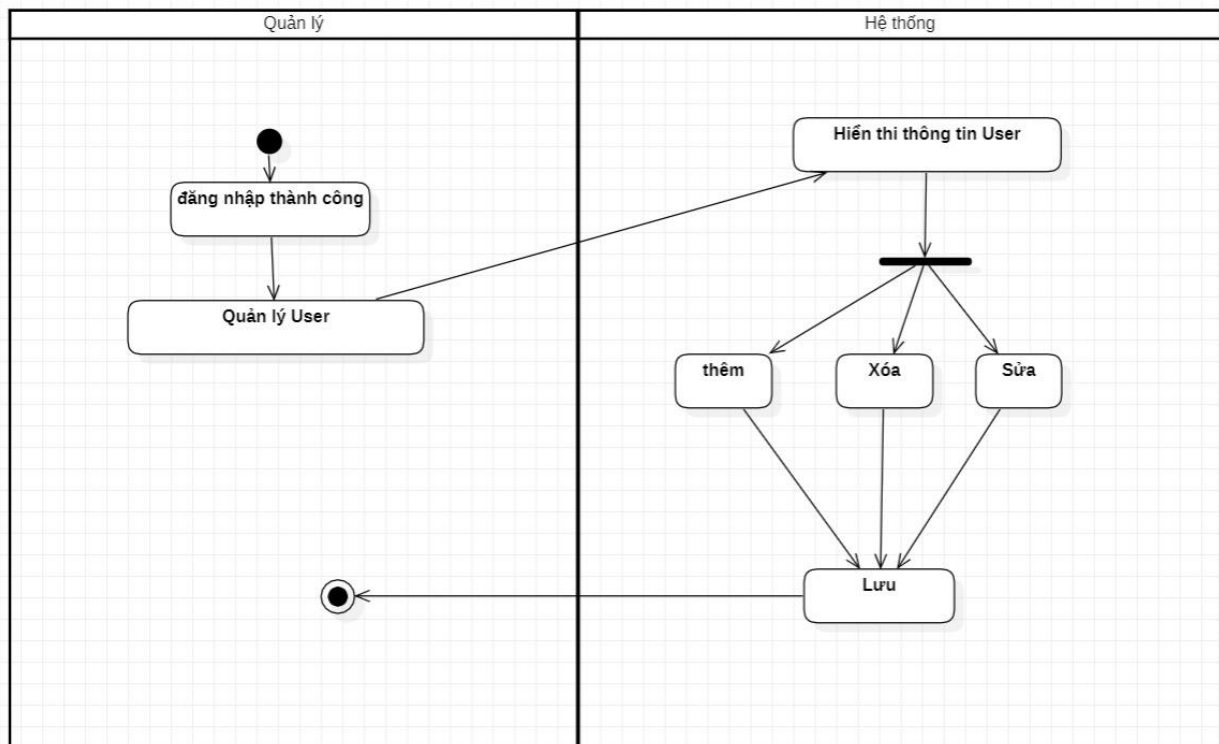
Hình 13 : Sơ đồ hoạt động quản lý học sinh

2.3.4. Sơ đồ hoạt động chuyển lớp cho học sinh



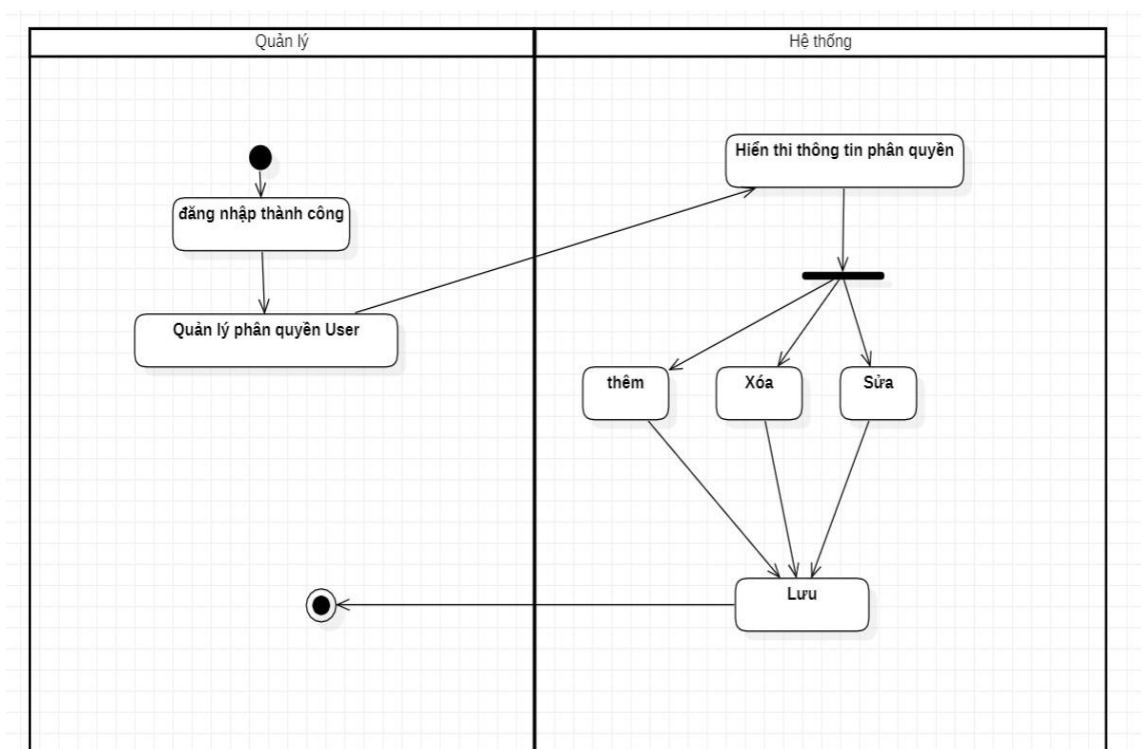
Hình 14 : Sơ đồ hoạt động chuyển lớp cho học sinh

2.3.5. Sơ đồ hoạt động quản lý người dùng



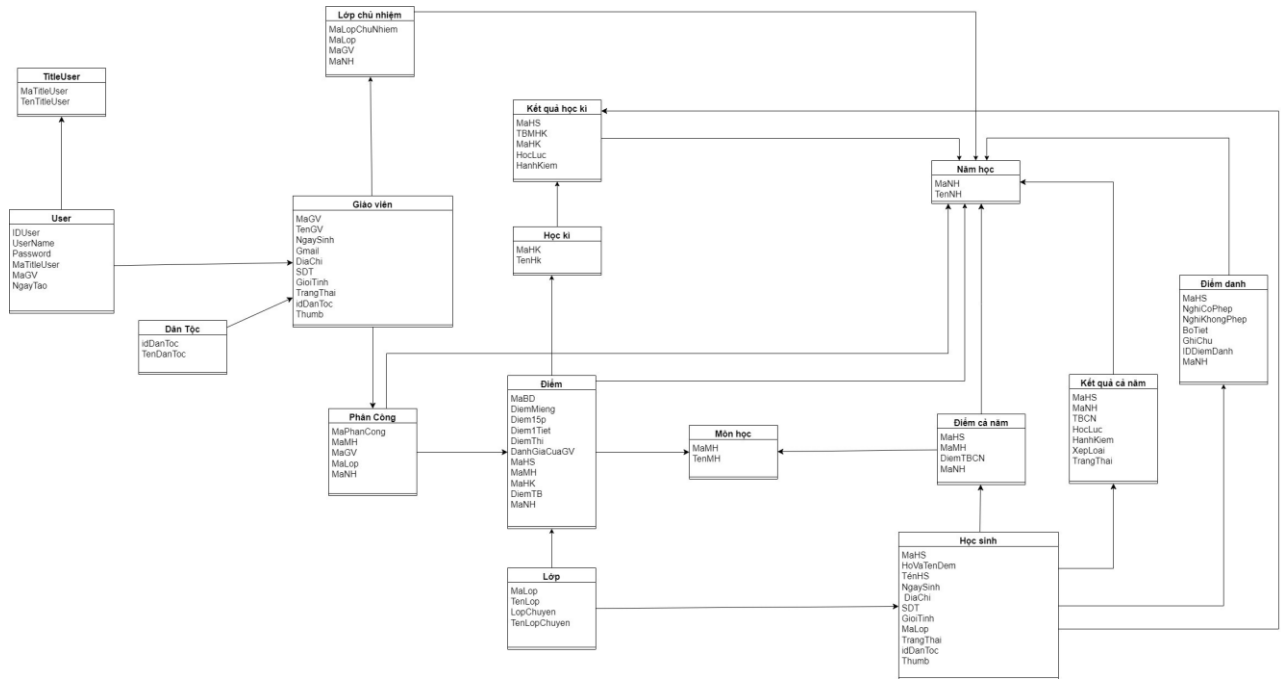
Hình 15 : Sơ đồ hoạt động quản lý người dùng

2.3.6. Sơ đồ hoạt động phân quyền người dùng



Hình 16 : Sơ đồ hoạt động phân quyền người dùng

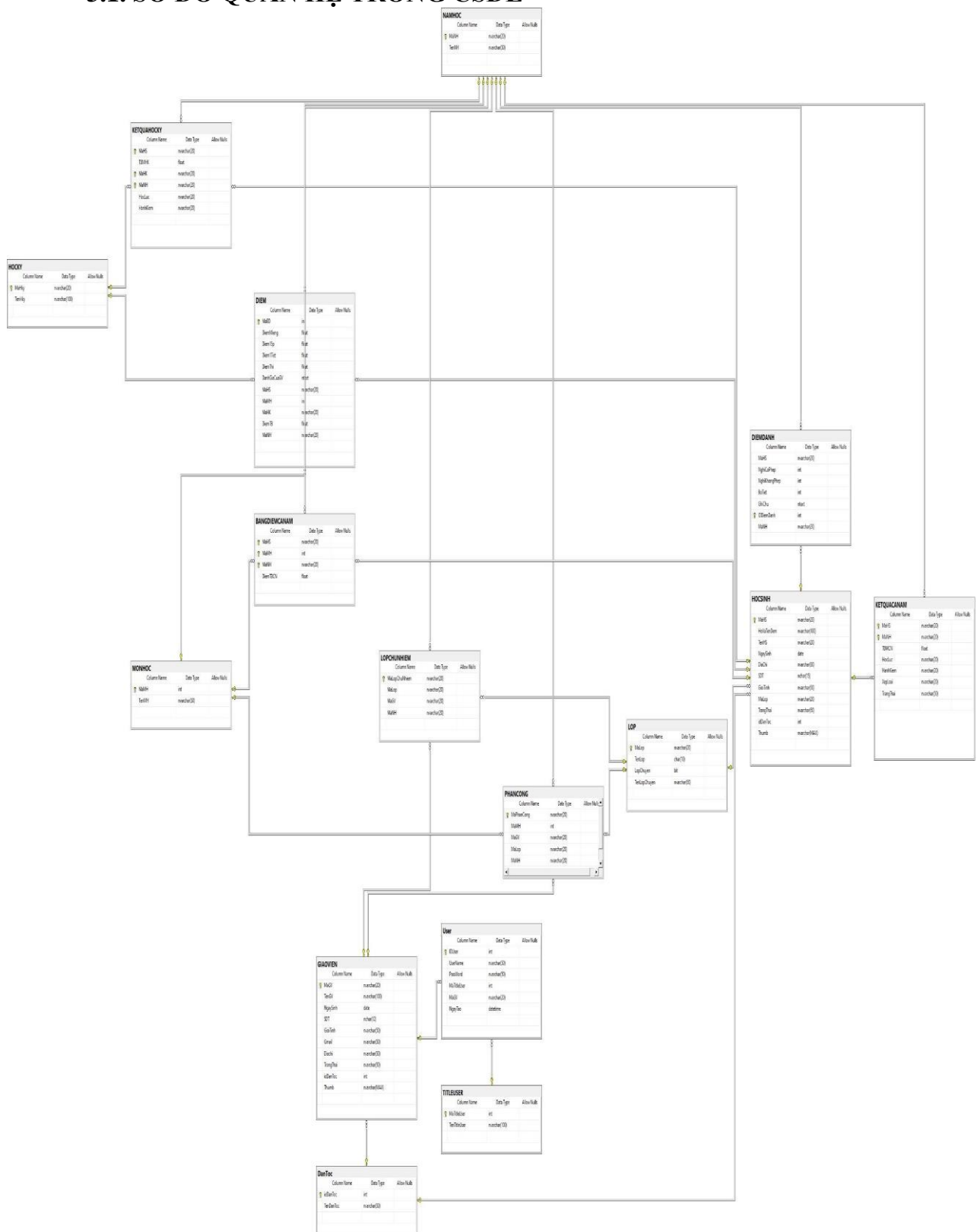
2.4. SƠ ĐỒ LỚP



Hình 17 : Class Diagram

CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

3.1. SƠ ĐỒ QUAN HỆ TRONG CSDL



Hình 18 : Sơ đồ CSDL

3.2. MÔ TẢ BẢNG DỮ LIỆU

3.2.1. Bảng bảng điểm cả năm

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	MaHS	nvarchar(20)	Mã học sinh
2	MaMH	Int	Mã môn học
3	MaNH	nvarchar(20)	Mã năm học
4	DiemTBCN	Float	Điểm trung bình cả năm

Bảng 8 : Bảng bảng điểm cả năm

3.2.3. Bảng học sinh

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	MaHS	nvarchar(20)	Mã học sinh
2	HoVaTenDem	nvarchar(100)	Họ và tên đệm
3	TenHS	nvarchar(20)	Tên học sinh
4	NgaySinh	date	Ngày sinh
5	DiaChi	nvarchar(50)	Địa chỉ
6	SDT	nchar(15)	Số điện thoại
7	GioiTinh	nvarchar(50)	Giới tính
8	MaLop	nvarchar(20)	Mã lớp
9	TrangThai	nvarchar(50)	Trạng thái
10	idDanToc	int	Mã dân tộc
11	Thumb	nvarchar(MAX)	Hình ảnh

Bảng 9 : Bảng học sinh

3.2.4. Bảng giáo viên

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	MaGV	nvarchar(20)	Mã giáo viên
2	TenGV	nvarchar(100)	Tên giáo viên
3	NgaySinh	date	Ngày sinh
4	SDT	nchar(12)	Số điện thoại
5	GioiTinh	nvarchar(50)	Giới tính
6	Gmail	nvarchar(50)	Thư điện tử
7	Diachi	nvarchar(50)	Địa chỉ
8	TrangThai	nvarchar(50)	Trạng thái
9	idDanToc	Int	Mã dân tộc
10	Thumb	nvarchar(MAX)	Hình ảnh

Bảng 10 : Bảng giáo viên

3.2.5. Bảng điểm danh

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	MaHS	nvarchar(20)	Mã học sinh
2	NghiCoPhep	Int	Nghi có phép
3	NghiKhongPhep	Int	Nghi không phép
4	BoTiet	Int	Bỏ tiết
5	GhiChu	Ntext	Ghi chú
6	IDDiemDanh	Int	Mã điểm danh
7	MaNH	nvarchar(20)	Mã năm học

Bảng 11 : Bảng điểm danh

3.2.6. Bảng học kỳ

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	MaHky	nvarchar(20)	Mã học kỳ
2	TenHky	nvarchar(100)	Tên kỳ

Bảng 12 : Bảng học kỳ

3.2.7. Bảng điểm

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	MaBD	Int	Mã bảng điểm
2	DiemMieng	Float	Điểm miêng

3	Diem15p	Float	Điểm 15 phút
4	Diem1Tiet	Float	Điểm 1 tiết
5	DiemThi	Float	Điểm thi
6	DanhGiaCuaGV	Ntext	Đánh giá của giáo viên
7	MaHS	nvarchar(20)	Mã học sinh
8	MaMH	Int	Mã môn học
9	MaHK	nvarchar(20)	Mã hạnh kiểm
10	DiemTB	Float	Điểm trung bình
11	MaNH	nvarchar(20)	Mã năm học

Bảng 13 : Bảng điểm

3.2.8. Bảng lớp chủ nhiệm

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	MaLopChuNhiem	nvarchar(20)	Mã lớp chủ nhiệm
2	MaLop	nvarchar(20)	Mã lớp
3	MaGV	nvarchar(20)	Mã giáo viên
4	MaNH	nvarchar(20)	Mã năm học

Bảng 14 : Bảng lớp chủ nhiệm

3.2.9. Bảng môn học

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	MaMH	int	Mã môn học
2	TenMH	nvarchar(50)	Tên môn học

Bảng 15 : Bảng môn học

3.2.10. Bảng user

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	IDUser	Int	Mã user
2	UserName	nvarchar(50)	Tên đăng nhập
3	PassWord	nvarchar(50)	Mật khẩu
4	MaTitleUser	Int	Mã titleuser
5	MaGV	Nvarchar(20)	Mã giáo viên
6	NgayTao	Datetime	Ngày tạo

Bảng 16 : Bảng user

3.2.11. Bảng lớp

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	MaLop	nvarchar(20)	Mã lớp
2	TenLop	Char(10)	Tên lớp
3	LopChuyen	bit	Lớp chuyên
4	TenLopChuyen	nvarchar(50)	Tên lớp chuyên

Bảng 17 : Bảng lớp

3.2.12. Bảng phân công

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	MaPhanCong	nvarchar(20)	Mã phân công
2	MaMH	Int	Mã môn học
3	MaGV	nvarchar(20)	Mã giáo viên
4	MaLop	nvarchar(20)	Mã lớp
5	MaNH	nvarchar(20)	Mã năm học

Bảng 18 : Bảng phân công

3.2.13. Bảng dân tộc

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	idDanToc	Int	Mã dân tộc
2	TenDanToc	nvarchar(50)	Tên dân tộc

Bảng 19 : Bảng dân tộc

3.2.14. Bảng năm học

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	MaNH	nvarchar(20)	Mã năm học
2	TenNH	nvarchar(50)	Tên năm học

Bảng 20 : Bảng năm học

3.2.15. Bảng kết quả học kỳ

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	MaHS	nvarchar(20)	Mã học sinh
2	TBMHK	Float	Trung bình môn học kỳ
3	MaHK	nvarchar(20)	Mã học kỳ
4	MaNH	nvarchar(20)	Mã năm học
5	Xeploai	nvarchar(20)	Xếp loại
6	HocLuc	nvarchar(20)	Học lực
7	HanhKiem	nvarchar(20)	Hạnh kiểm

Bảng 21 : Bảng kết quả học kỳ

3.2.16. Bảng kết quả cả năm

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	MaHS	nvarchar(20)	Mã học sinh
2	TBMCN	Float	Trung bình môn cả năm
3	MaNH	nvarchar(20)	Mã năm học
4	HanhKiem	nvarchar(20)	Hạnh kiểm
5	Xeploai	nvarchar(20)	Xếp loại
6	HocLuc	nvarchar(20)	Học lực
7	TrangThai	nvarchar(50)	Trạng thái

Bảng 22 : Bảng kết quả cả năm

3.2.17. Bảng titleuser

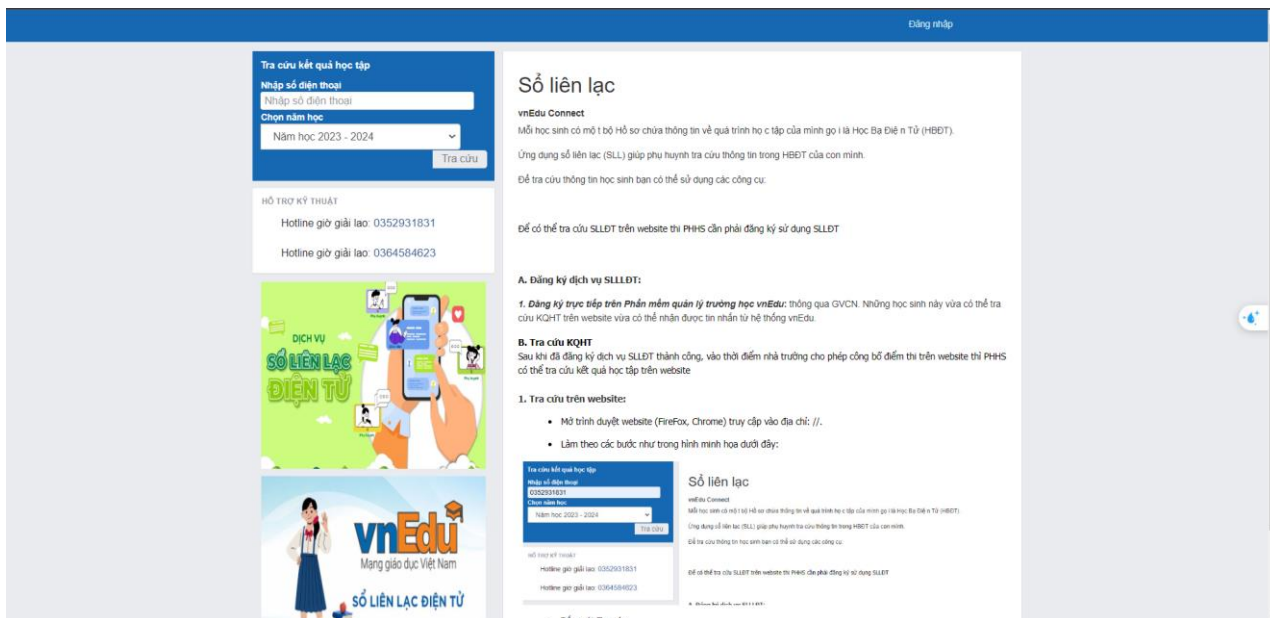
Bảng 3.17: Bảng TITLEUSER

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	MaTitleUser	Int	Mã định dạng user
2	TenTitleUser	nvarchar(100)	Tên định dạng user

Bảng 23 : Bảng TITLEUSER

CHƯƠNG 4. GIAO DIỆN VÀ CÀI ĐẶT CHƯƠNG TRÌNH

1. GIAO DIỆN TRANG CHỦ

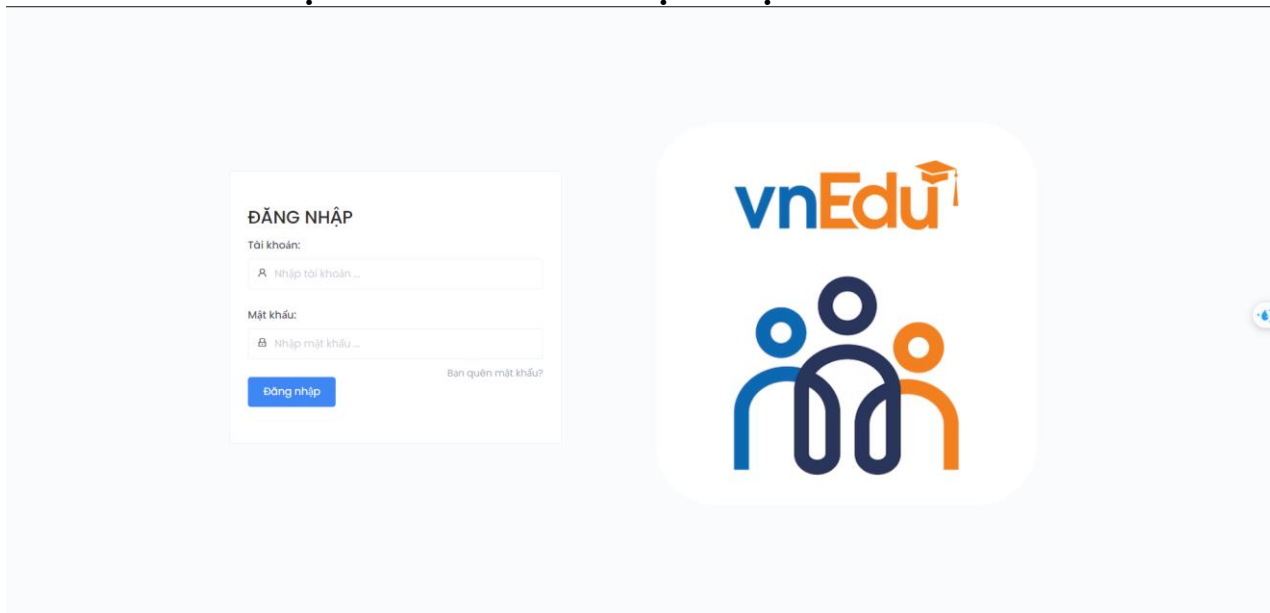


Hình 19 : GIAO DIỆN TRANG CHỦ

Gồm có các trang sau: Trang chủ, Đăng nhập

Admin click vào các biểu tượng để chọn các mục muốn thực hiện.

2. GIAO DIỆN TRANG ĐĂNG NHẬP TRỰC TUYẾN



Hình 20 : GIAO DIỆN TRANG ĐĂNG NHẬP TRỰC TUYẾN

- Ý nghĩa của hoạt động: Đăng nhập sử dụng hệ thống.
- Quy tắc hoạt động: Admin, giáo viên muốn thay đổi thông tin, trước tiên cần đăng nhập vào hệ thống bằng cách gõ vào ô tên đăng nhập và mật khẩu. Khi đăng nhập vào hệ thống thì các chức năng của hệ thống sẽ được hiển thị.
- Các thao tác màn hình: Admin, giáo viên nhập tên đăng nhập và mật khẩu để đăng nhập mới có thể xem thông tin.

3. GIAO DIỆN TRA CỨU KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

Trình tra cứu kết quả học tập

Nhập số điện thoại:
Nhập số điện thoại

Chọn năm học:
Năm học 2023 - 2024

Trình tra cứu

HỖ TRỢ KỸ THUẬT

Hotline giờ giải lao: 0352931831

Hotline giờ giải lao: 0364584623

DỊCH VỤ SỐ LIÊN LẠC ĐIỆN TỬ

vnEdu
Mạng giáo dục Việt Nam

SỞ LIÊN LẠC ĐIỆN TỬ

Bảng điểm của học sinh Nguyễn Khang Thái Anh
Năm học 2023 - 2024
Bảng điểm Học kỳ 1

Tên môn học	Điểm miệng	Điểm 15 phút	Điểm 1 tiết	Điểm TN	Điểm TBM
Ngữ Văn					
Toán					
Lịch Sử					
Địa lý					
Tin học					
Ngoại ngữ					
GD&CD					
Công nghệ					
Hóa học					
Sinh học					

Kết quả Học kỳ 1

Điểm trung bình học kỳ 1	Chưa xét
Học lực học kỳ 1	Chưa xét
Hành vi học kỳ 1	Chưa xét

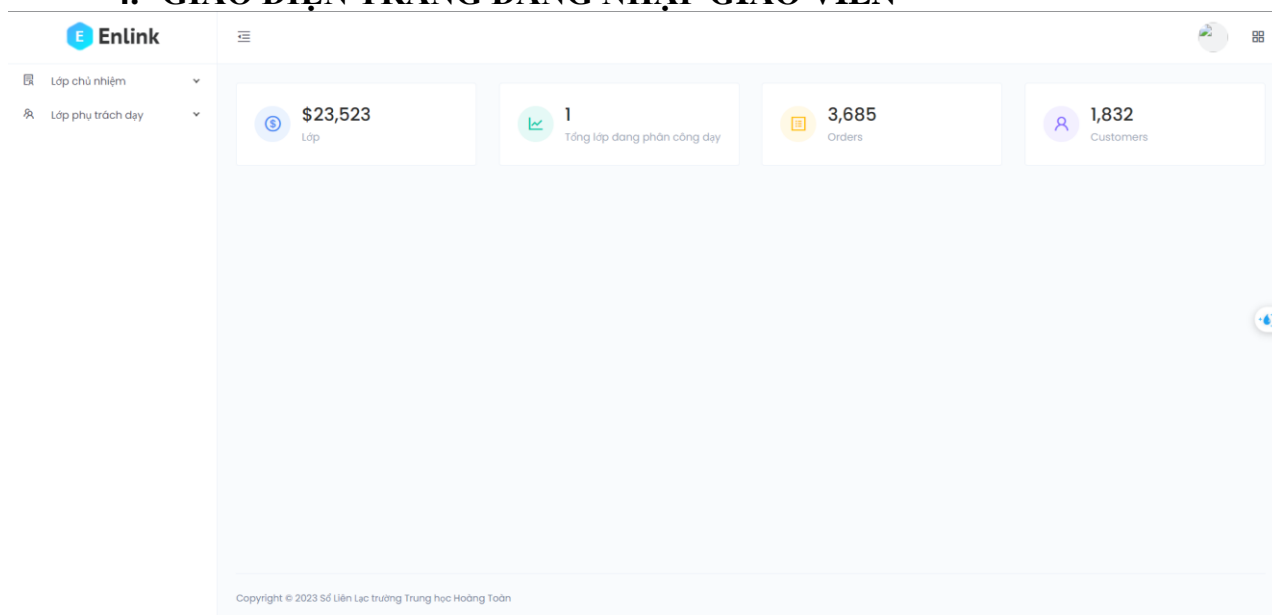
Bảng điểm Học kỳ 2

Tên môn học	Điểm miệng	Điểm 15 phút	Điểm 1 tiết	Điểm TN	Điểm TBM
-------------	------------	--------------	-------------	---------	----------

Hình 21 : GIAO DIỆN TRA CỨU KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

- Ý nghĩa của hoạt động: Tra cứu kết quả học tập .
- Quy tắc hoạt động: Học sinh nhập số điện thoại và ấn tra cứu thì hệ thống sẽ hiển thị các thông tin của học kỳ đó.

4. GIAO DIỆN TRANG ĐĂNG NHẬP GIÁO VIÊN



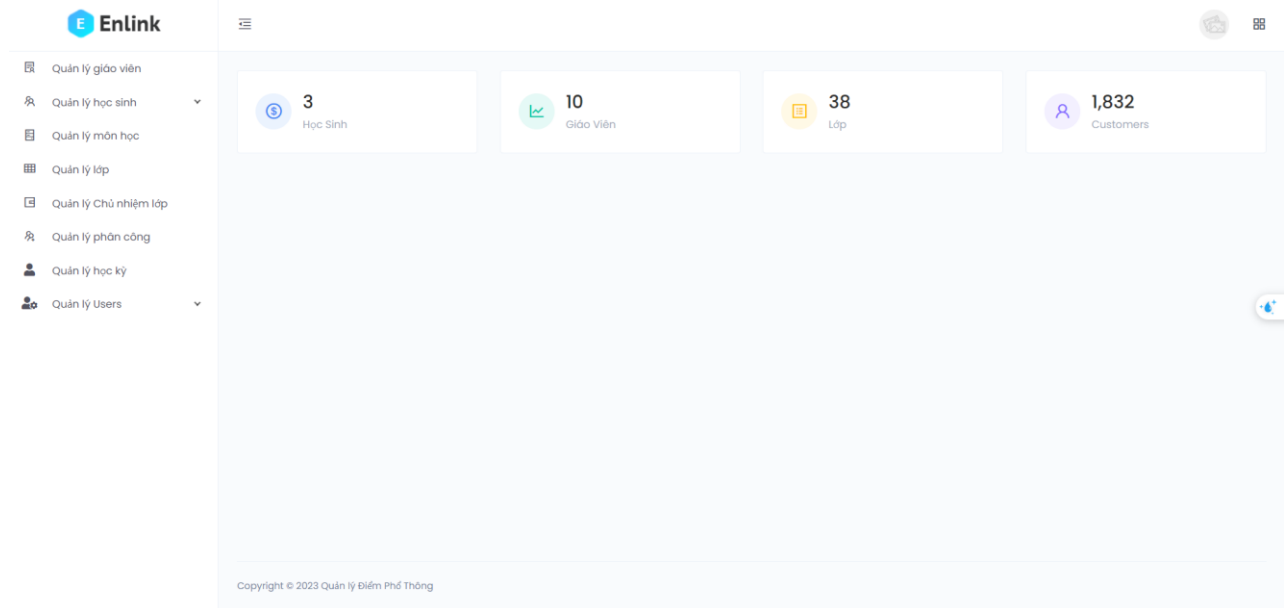
Hình 22 : GIAO DIỆN TRANG ĐĂNG NHẬP GIÁO VIÊN

- Ý nghĩa của hoạt động: Đăng nhập sử dụng hệ thống
- Quy tắc hoạt động: Muốn sử dụng các chức năng của chương trình, trước tiên giáo viên cần đăng nhập vào hệ thống bằng cách gõ vào ô tên đăng nhập và mật

khẩu. Khi giáo viên đăng nhập vào hệ thống thì các chức năng của chương trình sẽ được hiển thị, tùy theo tên đăng nhập mà quyền thao tác với các trang trên hệ thống sẽ khác nhau.

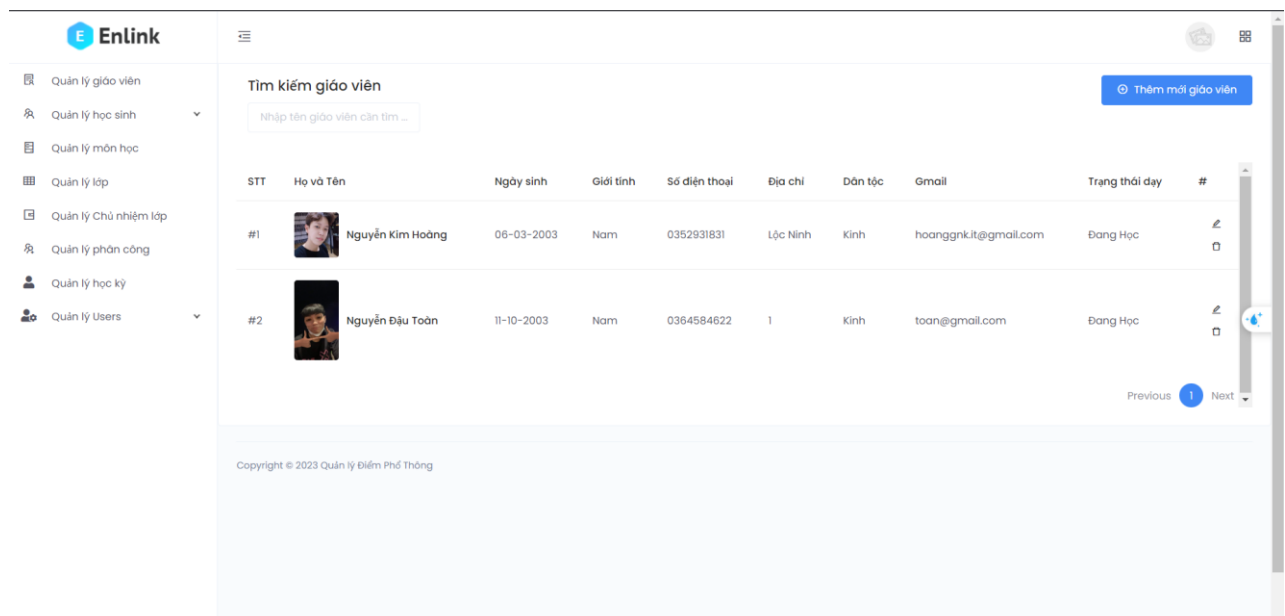
- Các thao tác màn hình: giáo viên nhập tên đăng nhập và mật khẩu để đăng nhập mới có thể sử dụng các chức năng của chương trình

5. GIAO DIỆN TRANG ĐĂNG NHẬP ADMIN



Hình 23 : GIAO DIỆN TRANG ĐĂNG NHẬP ADMIN

6. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ GIÁO VIÊN

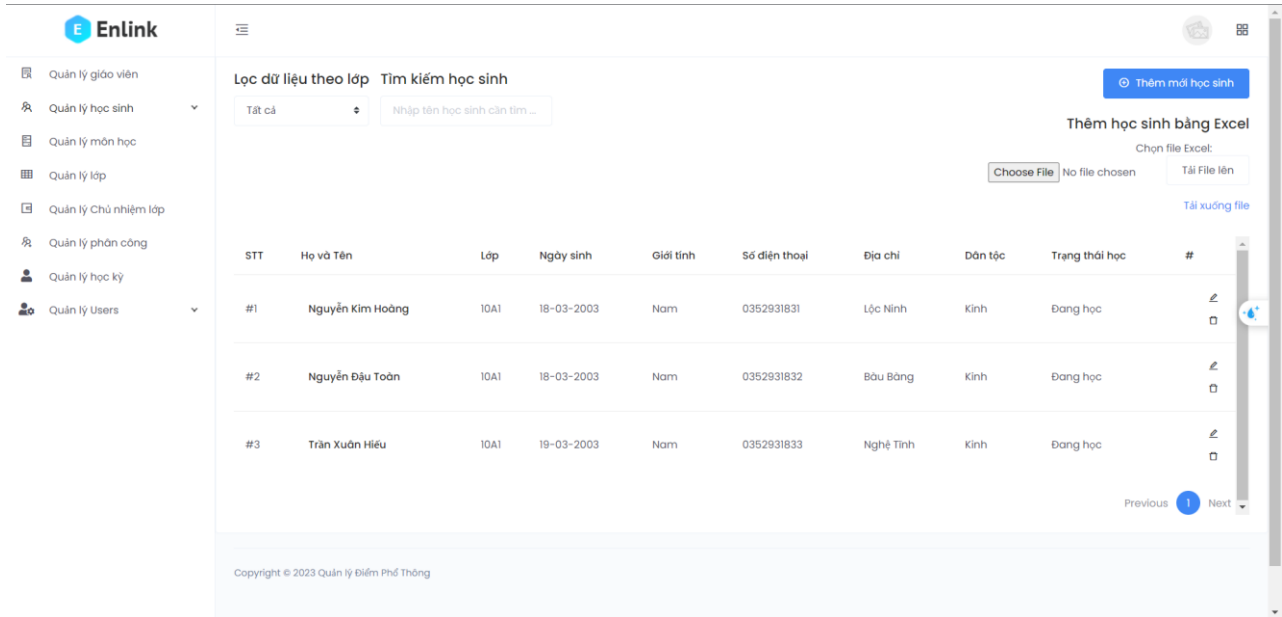


Hình 24 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ GIÁO VIÊN

- Ý nghĩa của hoạt động: Quản lý thông tin giáo viên.
- Quy tắc hoạt động: Admin đăng nhập vào hệ thống, chọn mục quản lý giáo viên, màn hình sẽ hiển thị thông tin giáo viên có trong hệ thống.

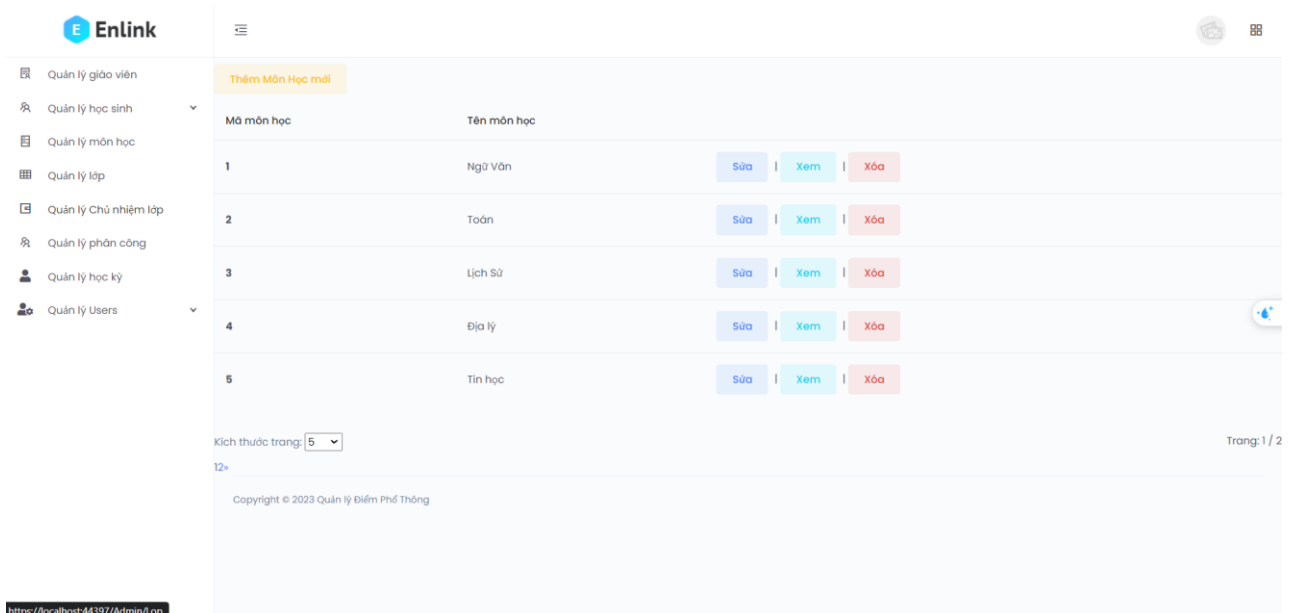
- Các thao tác màn hình: Admin chọn mục quản lý giáo viên để thao tác các chức năng của trang.

7. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ HỌC SINH



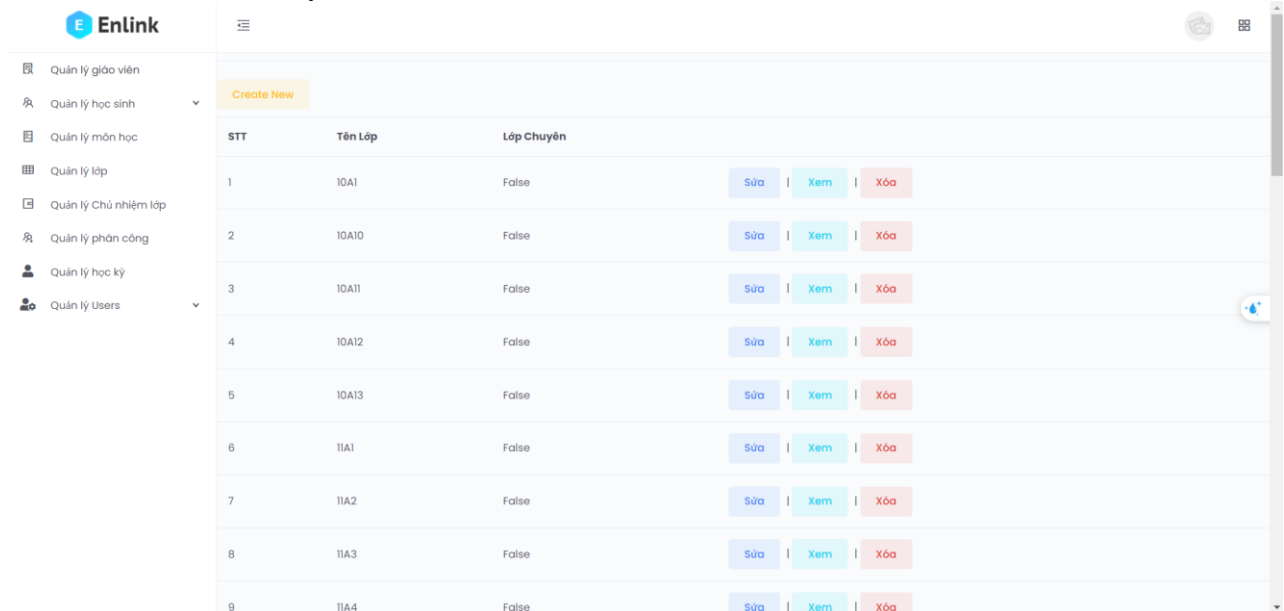
Hình 25 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ HỌC SINH

8. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ MÔN HỌC



Hình 26 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ MÔN HỌC

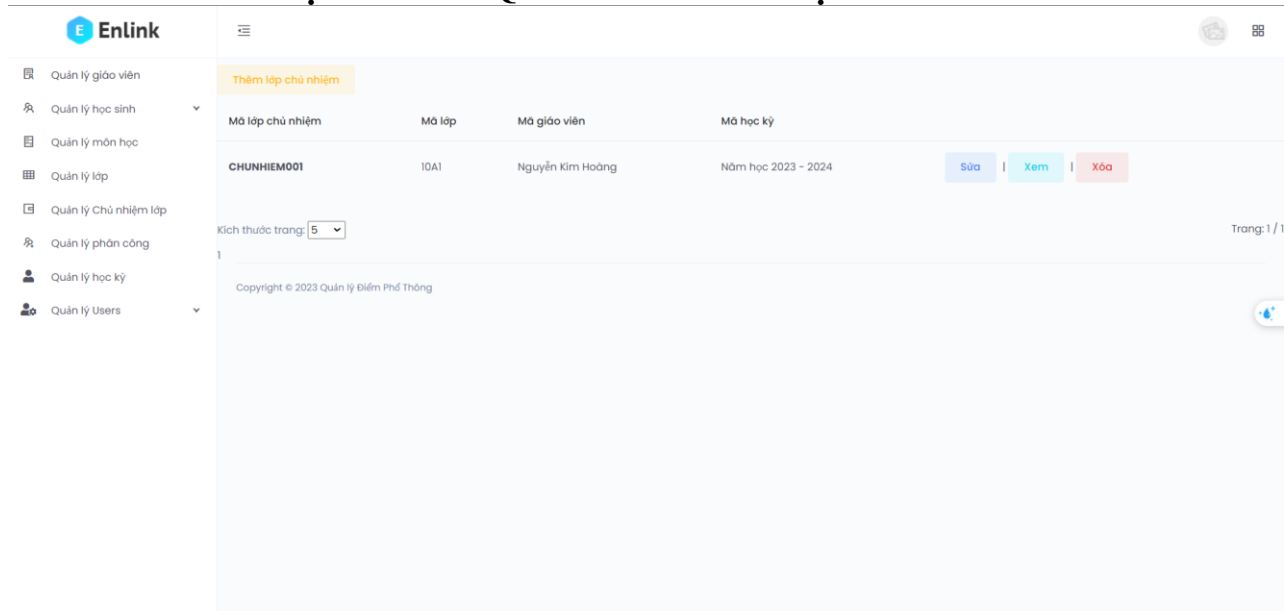
9. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ LỚP



STT	Tên Lớp	Lớp Chuyên	
1	10A1	False	Sửa Xem Xóa
2	10A10	False	Sửa Xem Xóa
3	10A11	False	Sửa Xem Xóa
4	10A12	False	Sửa Xem Xóa
5	10A13	False	Sửa Xem Xóa
6	11A1	False	Sửa Xem Xóa
7	11A2	False	Sửa Xem Xóa
8	11A3	False	Sửa Xem Xóa
9	11A4	False	Sửa Xem Xóa

Hình 27 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ LỚP

10. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ CHỦ NHIỆM LỚP



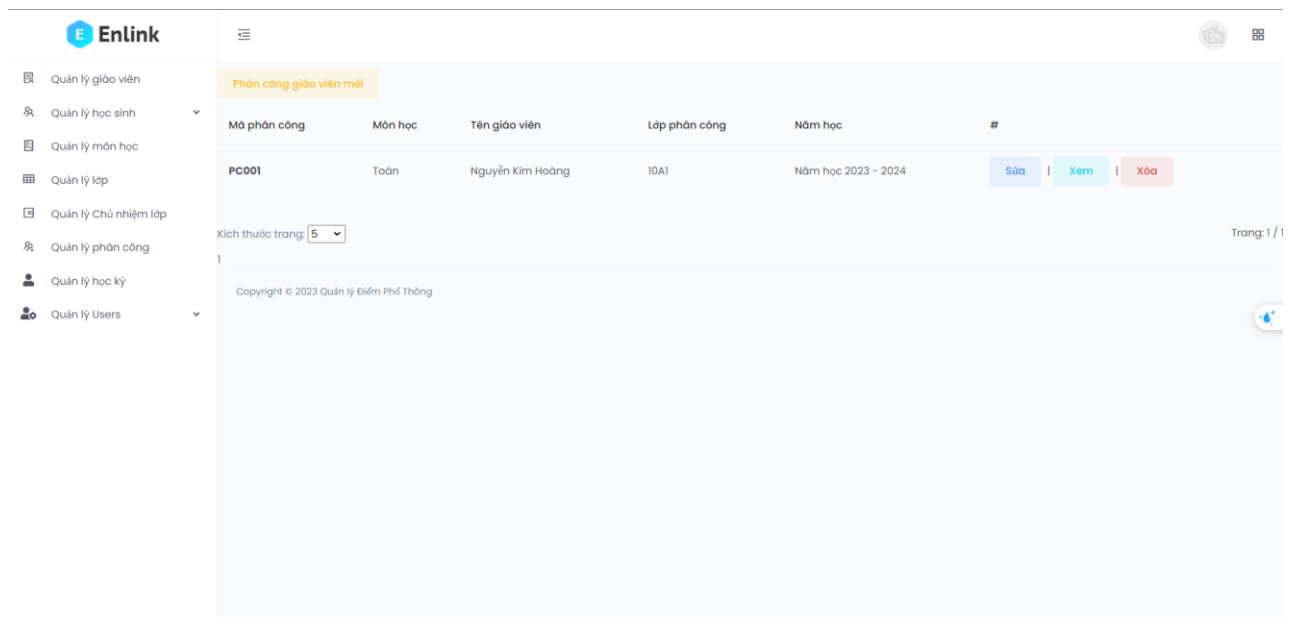
Mã lớp chủ nhiệm	Mã lớp	Mã giáo viên	Mã học kỳ	
CHUNHIEM001	10A1	Nguyễn Kim Hoàng	Năm học 2023 - 2024	Sửa Xem Xóa

Kích thước trang: 5 Trang: 1 / 1

Hình 28 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ CHỦ NHIỆM LỚP

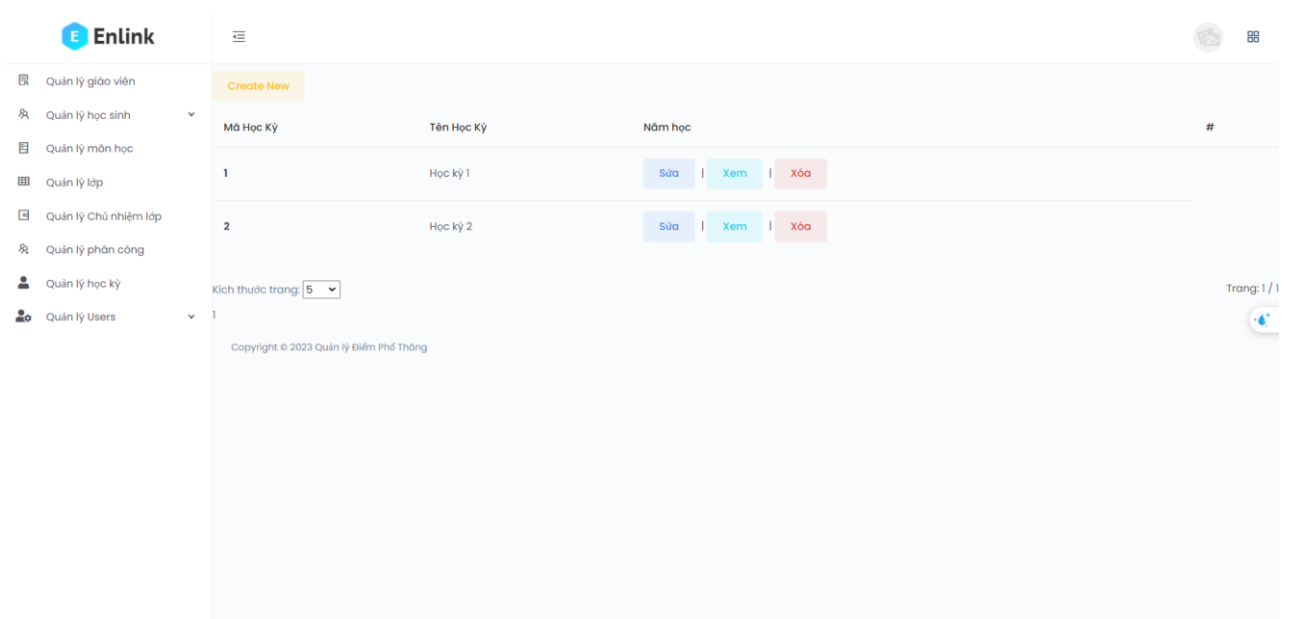
- Ý nghĩa của hoạt động: Quản lý thông tin chủ nhiệm lớp.
- Quy tắc hoạt động: Admin đăng nhập vào hệ thống, chọn mục quản lý khóa thi, màn hình sẽ hiển thị thông tin chủ nhiệm lớp có trong hệ thống.
- Các thao tác màn hình: Admin chọn mục quản lý chủ nhiệm lớp để thao tác các chức năng của trang.

11. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ PHÂN CÔNG



Hình 29 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ PHÂN CÔNG

12. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ HỌC KỲ

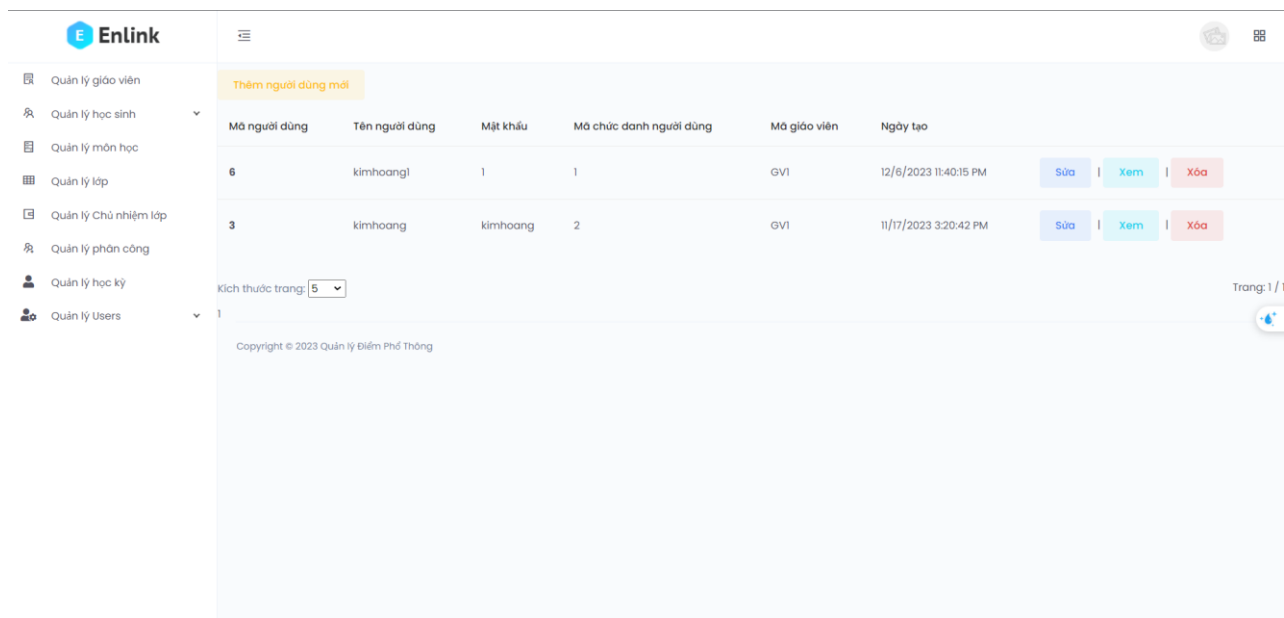


Hình 30 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ HỌC KỲ

- Ý nghĩa của hoạt động: Quản lý thông tin học kỳ.
- Quy tắc hoạt động: Admin đăng nhập vào hệ thống, chọn mục quản lý học kỳ, màn hình sẽ hiển thị thông tin học kỳ có trong hệ thống.

- Các thao tác màn hình: Admin chọn mục quản lý học kỳ để thao tác các chức năng của trang.

13. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ USER

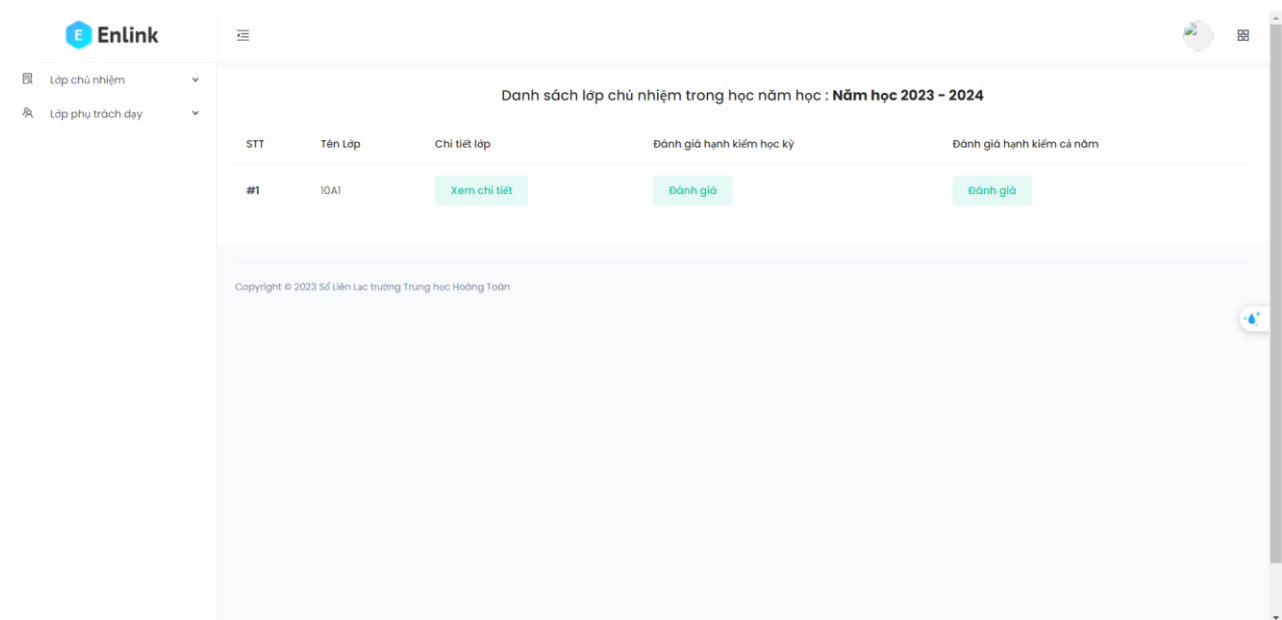


Hình 31 : GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ USER

- Ý nghĩa của hoạt động: Quản lý user.
- Quy tắc hoạt động: Admin đăng nhập vào hệ thống, chọn mục quản lý user, màn hình sẽ hiển thị thông tin user có trong hệ thống.
- Các thao tác màn hình: Admin chọn mục quản lý user để thao tác các chức năng của trang.

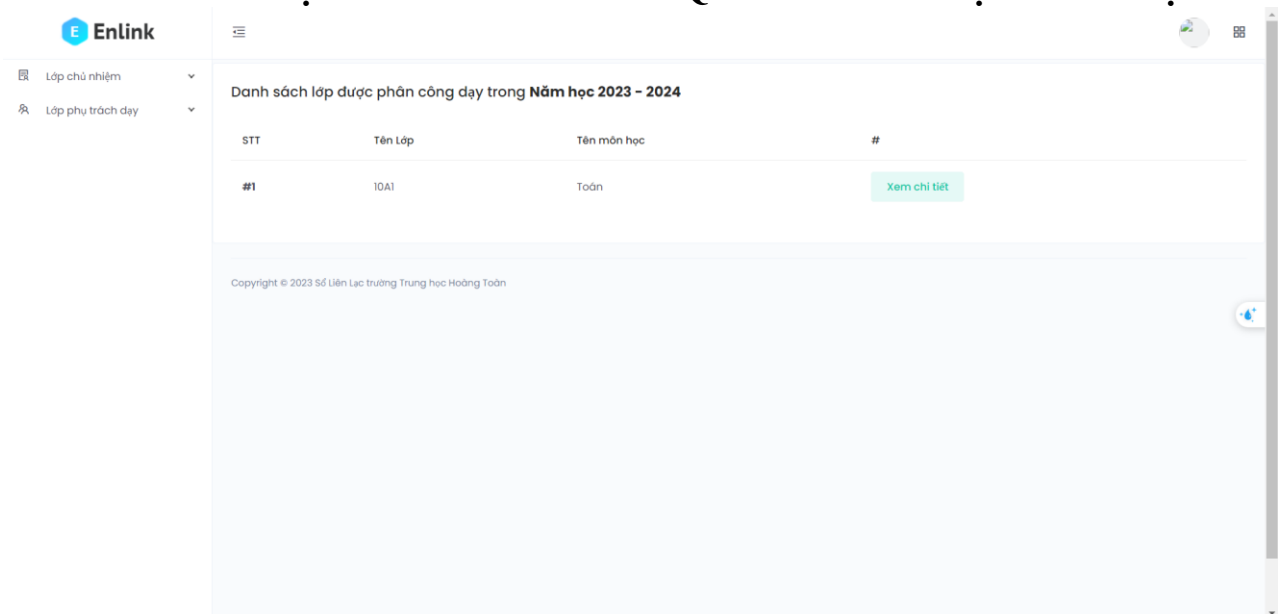
14. GIAO DIỆN TRANG GIÁO VIÊN QUẢN LÝ LỚP CHỦ NHIỆM

- Ý nghĩa của hoạt động: Quản lý thông tin lớp chủ nhiệm.
- Quy tắc hoạt động: Giáo viên đăng nhập vào hệ thống, chọn mục lớp chủ nhiệm, màn hình sẽ hiển thị thông tin lớp đang chủ nhiệm có trong hệ thống.
- Các thao tác màn hình: Giáo viên chọn mục lớp chủ nhiệm để thao tác các chức năng của trang.



Hình 32 : GIAO DIỆN TRANG GIÁO VIÊN QUẢN LÝ LỚP CHỦ NHIỆM

15. GIAO DIỆN TRANG GIÁO VIÊN QUẢN LÝ LỚP PHỤ TRÁCH DẠY



Hình 33 : GIAO DIỆN TRANG GIÁO VIÊN QUẢN LÝ LỚP PHỤ TRÁCH DẠY

- Ý nghĩa của hoạt động: Quản lý lớp đang phụ trách dạy.
- Quy tắc hoạt động: Giáo viên đăng nhập vào hệ thống, chọn mục lớp phụ trách dạy, màn hình sẽ hiển thị thông tin lớp đang phụ trách dạy có trong hệ thống.

- Các thao tác màn hình: Giáo viên chọn mục lớp phụ trách dạy để thao tác các chức năng của trang.

16. GIAO DIỆN TRANG GIÁO VIÊN NHẬP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

Danh sách học sinh lớp : 10A1
Môn học : Toán
Môn học : Năm học 2023 - 2024

Lớp này có tổng : 4 học sinh
Có : 1 học sinh > 5

Chọn học kỳ : Học kỳ I

STT	Tên học sinh	Giới tính	Điểm miệng	Điểm 15 phút	Điểm 1 tiết	Điểm thi	Điểm TBM	Nhận xét
#1	Nguyễn Khang Thái Anh	Nam	6	6	6	6	6.0	em thái anh này h
#2	Trần Xuân Hiếu	Nam	1	1	1	1	1.0	Nhập nhận xét ...
#3	Nguyễn Kim Hoàng	Nam	Nhập điểm ...	Nhập điểm ...	Nhập điểm ...	Nhập điểm ...		Nhập nhận xét ...
#4	Nguyễn Đậu Toàn	Nam	Nhập điểm ...	Nhập điểm ...	Nhập điểm ...	Nhập điểm ...		Nhập nhận xét ...

[Xem danh sách học sinh](#)

Hình 34 : GIAO DIỆN TRANG GIÁO VIÊN NHẬP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

17. GIAO DIỆN GỬI SMS ĐIỂM DANH

Thông tin gửi SMS

Vắng có phép : 0
Vắng không phép : 0
Bỏ Tiết : 0

Nội dung cần gửi SMS (hoặc có thể bỏ trống)

Gửi SMS Đóng

Tên Môn Học	Điểm	Điểm 1 tiết	Điểm Thi	Điểm TBM
Ngữ Văn	6	6	6	6.0
Toán				
Lịch Sử				
Địa lý				
Tin học				
Ngoại ngữ				
GDCD				
Công nghệ				
Hóa học				
Sinh học				

Hình 35 : GIAO DIỆN GỬI SMS ĐIỂM DANH

18. GIAO DIỆN BẢNG ĐIỂM

Enlink

Lớp chủ nhiệm

Lớp phụ trách dạy

Bảng điểm của học sinh : **Nguyễn Khang Thái Anh**

Niên khóa : **Năm học 2023 - 2024**

Gửi SMS Điểm danh

BẢNG ĐIỂM CỦA **Nguyễn Khang Thái Anh** TRONG HỌC KỲ I

Tên Môn Học	Điểm miệng	Điểm 15 phút	Điểm 1 tiết	Điểm Thi	Điểm TBM
Ngữ Văn					
Toán	6	6	6	6	6.0
Lịch Sử					
Địa lý					
Tin học					
Ngoại ngữ					
GD&CD					
Công nghệ					
Hóa học					
Sinh học					

Hình 36 : GIAO DIỆN BẢNG ĐIỂM

KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

- Sản phẩm đạt được cái điều kiện như thêm, sửa, xóa, xem thông tin. Thêm học sinh mới vào bằng file Excel, Gửi SMS điểm danh về cho phụ huynh, phân chia được môn phân công dạy cho giáo viên (1 giáo viên có thể dạy nhiều môn trong năm học). Phân chia được lớp chủ nhiệm cho giáo viên (1 giáo viên chỉ được chủ nhiệm 1 lớp trong năm học). Có các chức năng nhập điểm các môn cho học sinh theo phân công của giáo viên (Ví dụ phân công Giáo viên A dạy môn B của lớp C thì chỉ có giáo viên A mới nhập điểm môn B vào cho các học sinh của lớp C), có chức năng khi nhập điểm xong và click vào chỗ khác thì điểm sẽ tự động lưu (khi đủ điểm thì reload web lại nó sẽ tính ra điểm TB của môn đó). Có chức năng nhập hạnh kiểm từng học kỳ và của cả năm (chỉ có giáo viên chủ nhiệm lớp đó mới có thể nhập được hạnh kiểm). Khi có đầy đủ điểm cũng như hạnh kiểm thì hệ thống sẽ tự động tính ra danh hiệu cũng như trạng thái lên lớp của học sinh đó. Ở từng lớp có các thống kê. Còn ở phần của học sinh thì học sinh nhập số điện thoại và chọn năm học tương ứng, hệ thống sẽ cho phép học sinh xem bảng điểm của học sinh đó.

2. Đánh giá kết quả

Khó khăn: Trong quá trình làm, việc khó khăn nhất của nhóm là thiết kế cơ sở dữ liệu, vì đây là một đề tài cũng khá lớn nên nhóm vẫn còn chưa hiểu hết được cơ sở dữ liệu của đề tài. Khó khăn lớn thứ hai của nhóm là nhóm chưa hiểu rõ được nghiệp vụ và khó khăn thứ ba là nhóm chưa đủ kiến thức để phát triển các tính năng mà nhóm đã chuẩn bị từ trước.

Hạn chế: Vì lượng kiến thức cho môn học không đủ cũng như thời gian nghiên cứu cũng khá ít cho nên nhóm chỉ làm được các chức năng của người dùng là chính, còn các chứng năng mà nhóm đã chuẩn bị thì chưa hoàn thành kịp.

3. Hướng phát triển

Hệ thống còn có thể phát triển thêm vài chức năng còn thiếu như là:

- Chuyển lớp và các học sinh sang năm học mới (căn cứ vào tình trạng ở lại lớp và lên lớp của học sinh, Ví dụ : học sinh nào có trạng thái là lên lớp thẳng thì khi chuyển lớp cho học sinh thì học sinh đó sẽ được lên lớp, còn ngược lại thì học sinh đó sẽ lưu ban lại lớp cũ). Chuyển lớp cho học sinh cuối khóa là ra trường để nhường lớp cho các em học sinh sau này.
- Hệ thống cần cải thiện tốc độ truy cập khi nhiều người truy cập cùng một

thời điểm.

- Phát triển thêm tính năng căn cứ vào đánh giá của giáo viên bộ môn sẽ xếp cho lớp đó học phụ đạo hoặc học tăng tiết.
- Phát triển thêm các thống kê của trường và phát triển thêm tính năng thu học phí và cập nhật lại trạng thái học phí của từng học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Website:

- [1] Website Vnedu Sổ liên lạc , <https://vnedu.vn/>.
- [2] Website DKMH (Trường Đại học Thủ Dầu Một),
<https://dkmh.tdmu.edu.vn/#/home>
- [3] Webiste HiepsiIT, <https://hiepsiit.com/detail/aspxmvc/asp-net-mvc>
- [4] Website Youtube, <https://www.youtube.com/>
- [5] LinkWebsite SoLienLac , <http://kimhoang.somee.com/>